**Tuần 31**

**Từ 15/4 đến 19/4/2024**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thứ, ngày** | **Môn** | **Tên bài dạy** |
| Thứ 2  15/4  Sáng | HĐTN | Trò chuyện theo chủ đề Ứng xử trong quan hệ bạn bè |
| TV | Bài đọc 3: Ngọn đuốc trong đêm |
| TV | Bài đọc 3: Ngọn đuốc trong đêm |
| ĐĐ | Bài 12: Em thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em |
| Chiều | TIN |  |
| CN |  |
| GDTC |  |
| Thứ 3  16/4  Sáng | TV | Bài viết 3: Viết hướng dẫn sử dụng một sản phẩm |
| T | Luyện tập |
| KH | Bài 22. Chuỗi thức ăn |
| ÂN | Hát: Biết ơn thầy cô giáo |
| Chiều | AV |  |
| AV |  |
| TV | Nói và nghe: Trao đổi: Em đọc sách báo |
| KH | Bài 22. Chuỗi thức ăn (tt) |
| Thứ 4  17/4  Sáng | TV | Bài đọc 4: Bức mật thư |
| T | Luyện tập (tt) |
| GDTC | Ôn động tác đá bóng cố định bằng mu trong bàn chân. |
| HĐTN | Ứng xử trong quan hệ bạn bè |
| Thứ 5  18/4  Sáng | TV | Luyện từ và câu: Mở rộng vốn từ: Du lịch |
| T | Luyện tập chung |
| AV |  |
| AV |  |
| Chiều | T | Luyện tập chung (tt) |
| LS&ĐL | DCHĐSX và một số nét văn hóa ở vùng Nam Bộ (T3) |
| MT | Bài 15: Cảnh đẹp quê hương Việt Nam |
| Thứ 6  19/4 | TV | Góc sáng tạo: Vẽ tiếp sức |
| T | Dãy số liệu thống kê |
| LS&ĐL | DCHĐSX và một số nét văn hóa ở vùng Nam Bộ (T4) |
| HĐTN | Thực hành ứng xử trong quan hệ bạn bè |
|  | TLHĐ: bài 8: Đanh nhau ở trường học |

**Thứ Hai ngày 15 tháng 4 năm 2024**

**Tuần 31**

**Sinh hoạt dưới cờ:**

**CHỦ ĐỀ 8: QUAN HỆ BẠN BÈ**

**TRÒ CHUYỆN THEO CHỦ ĐỀ ỨNG XỬ TRONG QUAN HỆ BẠN BÈ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Học sinh hiểu được vai trò, ý nghĩa của tình bạn trong cuộc sống hằng ngày ở trường, ở cộng đồng.

- Rèn luyện và phát triển kĩ năng thiết lập mối quan hệ thân thiện với bạn bè.

- Vận dụng vào thực tiễn: Biết làm những việc làm phù hợp để giúp đỡ bạn bè, xây dựng và phát triển tốt tình đoàn kết, hợp tác, chia sẻ trong tập thể.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự đề xuất những cách giải quyết tình huống phù hợp với hoàn cảnh.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thông qua việc giải quyết tình hướng để có những việc làm phù hợp để thiết lập mới quan hệ thân thiện với bạn bè.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, hợp tác nhóm trong hoạt động.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Tôn trọng, thân thiện với bạn bè trong tham gia hợp tác nhóm.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ để thực hiện tốt nhiệm vụ học tập theo yêu cầu của thầy cô giáo.

- Phẩm chất trung thực: Trung thực khi tham gia tất cả các hoạt động.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức nghiêm túc trong làm việc nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ trong bài học.

**II. ĐỒ DÙNG , PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **. Mục tiêu:** Sau khi tham gia hoạt động, HS có khả năng:  - Được mở rộng hiểu biết về cách xử lí các vấn đề thường xảy ra trong quan hệ bạn bè.  **b. Cách tiến hành**  - Nhà trường mời chuyên gia tâm lí học đường hoặc thầy cô giáo trong trường tham gia trò chuyện, chia sẻ với HS về chủ đề *Ứng xử* trong quan hệ bạn bè.  - Cácnội dung chính như sau:  + Giới thiệu khách mới là chuyên gia tâm lí học đường hoặc thầy cô giáo tham gia buổi trò chuyện.  + HS lắng nghe chia sẻ của khách mời về các vấn đề thường xảy ra trong quan hệ bạn bè và những cách xử lí phù hợp.  + Tổ chức cho HS đặt câu hỏi giao lưu, trò chuyện với khách mới.  + Mời một số HS chia sẻ cảm xúc và suy nghĩ của mình sau buổi trò chuyện.  Giáo án Hoạt động trải nghiệm lớp 4 Tuần 31 Cánh diều | | .  - HS lắng  nghe và tham gia theo sự hướng dẫn của GV.      - HS chú ý thực hiện. |
| **ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | | |

**BÀI 17: KHÁM PHÁ THẾ GIỚI**

**Bài đọc 3: NGỌN ĐUỐC TRONG ĐÊM (2 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

**1.1. Năng lực ngôn ngữ**

- Đọc thành tiếng trôi chảy, diễn cảm toàn bài. Phát âm đúng từ ngữ có âm, vần , thanh HS địa phương dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng. Tốc độ đọc khoảng 90 tiéng / phút. Đọc thầm nhanh hơn nửa đầu HK II.

- Hiểu nghĩa của các từ ngữ được chú giải trong bài, biết tra sổ tay từ ngữ ( từ điển) để hiểu nghĩa các từ ngữ khác, nếu chưa hiểu. Hiểu ý nghĩa của bài đọc: Biểu dương tinh thần yêu nước và những hoạt động thiết thực của thiếu nhi Vệt Nam góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**1.2. Năng lực văn học**

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản đa phương thức: cách tình bày văn bản, tác dụng của việc lựa chọn kiểu chữ và các hình ảnh minh họa trong văn bản,...

**2. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết tổ chức và tham gia thảo luận nhóm, biết trình bày, báo cáo kết quả công việc trước người khác

- Năng lực tự chủ và tự học: Độc lập suy nghĩ để trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thể hiện được cách đọc diễn cảm theo cách hiểu và cảm nhận của mình

**3. Phẩm chất**

- Giáo dục HS có ước mơ về tương lai tươi đẹp của cuộc sống, khao khát biến ước ước mơ thành hiện thức, có đầu óc tưởng tượng sáng tạo.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

– GV chuẩn bị: sổ tay từ ngữ TV 4 hoặc từ điển HS, bài giảng ppt

– HS chuẩn bị: SGK Tiếng Việt 4, tập hai, sổ tay từ ngữ TV 4 hoặc từ điển HS,

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức TC: “ Ô cửa bí mật”  - Hình thức chơi: HS chọn ô cửa có số thứ thự mình thích trên trò chơi để đọc bài thơ và trả lời 1 trong 4 câu hỏi *Bài đọc 2: Đường đi Sa Pa*  - GV gọi HS nhận xét  - GV nhận xét giọng đọc và câu trả lời của HS và dẫn dắt vào bài mới thông qua bức tranh nhân vật Nguyễn Trường Tộ nắm dưới các ô cửa. | - HS tham gia chơi trò chơi.  - Nhận xét, khen bạn thắng cuộc.  - Học sinh lắng nghe, nhắc lại mục bài. |
| **2. Khám phá**  **-** Mục tiêu  + Phát âm đúng từ ngữ có âm, vần , thanh HS địa phương dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng. Tôca độ đọc khoảng 90 tiéng / phút. Đọc thầm nhanh hơn nửa đầu HK II.  + Hiểu nghĩa của các từ ngữ được chú giải trong bài  + biết tra sổ tay từ ngữ ( từ điển) để hiểu nghĩa các từ ngữ khác, nếu chưa hiểu.  + Hiểu ý nghĩa của bài đọc: Biểu dương tinh thần yêu nước và những cống hiến của nhà yêu nước Nguyễn Trường Tộ  **-** Cách tiến hành: | |
| \* **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng**  - GV đọc mẫu toàn bài: giọng đọc vui tươi, tự hào, nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả, gợi cảm.  - HD chung cách đọc toàn bài:  - GV chia đoạn: 6 đoạn  + Đoạn 1: từ đầu .... chiến tranh xâm lược  + Đoạn 2: Ở Việt Nam .... của thời đại.  + Đoạn 3: tiếp theo ..... Nguyễn Trường Tộ.  + Đoạn 4: tiếp theo ... sáng suốt của ông.  + Đoạn 5: tiếp theo .... trường kĩ thuật.  + Đoạn 6: còn lại.  - GV gọi 6 HS đọc nối tiếp 6 đoạn  *-* Luyện đọc theo đoạn: GV tổ chức cho HS luyện đọc nối tiếp đoạn theo nhóm đôi.  - GV gọi 2 – 3 nhóm thi đọc trước lớp  - GV nhận xét các nhóm.  - Yêu cầu HS đọc và giải nghĩa từ ngữ ở phần chú giải trong SGK *phát kiến, duy tân, chấn hưng, điều trần, hoài bão)*  - 1 HS năng khiếu đọc toàn bài.  **\* Hoạt động 2: Đọc hiểu**  - GV gọi HS đọc nối tiếp lần lượt 5 câu hỏi trong SGK.  *-*GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài.  \*GV theo dõi, hỗ trợ HS gặp khó khăn và lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.  - GV cho HS trả lời các câu hỏi bằng bình thức trò chơi phỏng vấn:  + Câu 1: Hoàn cảnh nước ta vào thời ông Nguyễn TRường Tộ như thế nào ?  + Câu 2: Trong các bản điều trần, Nguyễn Trường tộ đã đề nghị triều đình những gì ?  + Câu 3: Ngoài các bản điều trần, Nguyễn Trường tộ đã làm gì để thực hiện những hoài bão chấn hưng Đất nước?  + Câu 4: Vì sao có thể gọi Nguyễn Trường Tộ là “ngọn đuốc trong đêm”?  Câu 5: Theo em, nhờ đâu Nguyễn Trường tộ có những đóng góp quý báo đối với đất nước như vậy?  - GV nhận xét, gọi 2 – 3 HS nhắc lại nội dung bài | - HS lắng nghe kết hợp theo dõi trong SGK.  - HS lắng nghe cách đọc.  - Theo dõi  - HS đọc nối tiếp theo đoạn kết hợp phát hiện và luyện đọc từ khó (Chẳng hạn: *nhòm ngó*, *sáng suốt, phát kiến, …*)  - HS luyện đọc theo nhóm đôi  - 2 -3 nhóm thi đọc trước lớp. Cả lớp theo dõi, nhận xét bạn đọc.  - Hỏi đáp phần chú giải trong SGK theo cặp đôi. Phát hiện và giải nghĩa thêm 1 số từ khác (nếu có).  - HS thực hiện tra từ điển  - Lớp theo dõi, đọc thầm.  - 5 HS đọc tiếp nối 5 câu hỏi; các HS khác lắng nghe, đọc thầm theo.  - Theo dõi  - HS tham gia trò chơi:  *\*Dự kiến kết quả chia sẻ:*  + Câu 1: Bài đọc viết về “phong trào kế hoạch nhỏ” của Đội  + Câu 2: Nguyễn Trường Tộ đề nghị triều đình gấp rút chỉnh đốn quân đội,kinh tế, giáo dục, mở rộng quan hệ với các nước châu Âu, cử người đi học khoa học, kĩ thuật nhắm chấn hưng Đất nước.  + Câu 3: Ông đem hiểu biết của mình giúp chính quyền đào kênh Sắt, tìm cách khai thác mỏ than và mỏ kim loại. Ông còn cất công sang Pháp mời chuyên gia mua sách vở, máy móc để mở trường kĩ thuật.  + Câu 4: Vì ông có hiểu biết rộng, có tư tưởng hiện đại, yêu nước, mong muốn đất nước tiến bộ.  + Câu 5: Bài đọc ca ngợi tài năng tầm nhìn xa và những đóng góp của Nguyễn Trường Tộ đối với đất nước. |
| **3. Luyện tập (Đọc nâng cao)**  - Mục tiêu:  + Đọc diễn cảm toàn bộ bài thơ, ngắt nghỉ hơi giữa các dòng thơ, các cụm từ, nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả, gợi cảm.  + Phát triển năng lực ngôn ngữ  - Cách tiến hành:  Năm **31 tuổi**,/ Nguyễn Trường Tộ về nước.// Ông **liên tục/** dâng lên vua **những bản điều trần/** đề nghị triều đình **gấp rút chỉnh đốn/** quân đội, kinh tế, giáo dục, **mở rộng quan hệ/** với các nước châu Âu, **cử người** /đi học khoa học, kĩ thuật nhằm **chấn hưng đất nước**.// Đáng buồn là triều đình đã **bỏ ngoài tai** /những **ý kiến sáng suốt/** của ông | |
| - Tổ chức cho HS luyện đọc theo nhóm bàn.  - Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm trước lớp.  - GV nhận xét HS đọc bài, tuyên dương, khích lệ HS. | - HS luyện đọc đọc theo nhóm bàn.  - Thi đọc diễn cảm trước lớp.  - Nhận xét bạn đọc và bình chọn bạn đọc tốt nhất. |
| **4. Vận dụng**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  + Phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | |
| - Qua bài đọc, em học được điều gì?  - Nhận xét tiết học, dặn dò bài về nhà. | - HS chia sẻ  - HS chia sẻ các hoạt động và cảm xúc  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm để thực hiện. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy**  .................................................................................................................................... | |

**BÀI 12: EM THỰC HIỆN QUYỀN VÀ BỔN PHẬN CỦA TRẺ EM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

*1. Năng lực đặc thù*

*- Năng lực điều chỉnh hành vi:*Kể được một số quyền và bổn phận cơ bản của trẻ em; Biết vì sao phải thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em.

- *Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội*: Thực hiện được quyền và bổn phận của trẻ em phù hợp với trẻ em; Nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em.

*2. Năng lực chung*

*- Tự chủ và tự học:* Có ý thức tổng kết và trình bày được những điều đã học về một số quyền và bổn phận cơ bản của trẻ em; Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết quyền và bộn phận trẻ em; Có ý thức học tập và làm theo những tấm gương người tốt về thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em và vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.

- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi về quyền và bổn phận của trẻ em.

- *Giao tiếp và hợp tác*: Tập trung chú ý khi giao tiếp với các bạn về quyền và bổn phận của trẻ em; nhận ra được thái độ của bạn khi trao đổi về các quyền của trẻ em nước ta.

*3. Phẩm chất*

- Có trách nhiệm trong việc thực hiện các quyền và bổn phận trong lứa tuổi.

- Tôn trọng quyền trẻ em của bạn bè trong lớp về bình đẳng không phân biệt giữa các dân tộc trong cùng một lớp học; Yêu nước, nhân ái, trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm đối với quyền và bổn phận của trẻ em.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- SGK, SGV, SBT *Đạo đức 4* (Bộ cánh diều)

- Các video, clip liên quan đến quyền và bổn phận của trẻ em

- Tranh, hình ảnh về quyền và bổn phận của trẻ em

- Máy chiếu, máy tính,.... *(Nếu có)*

**III. CÁC HOẠT DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Học động của học sinh** |
| **A. Hoạt động mở đầu**  *\* Mục tiêu:*  Thu hút tạo tâm thế trước khi học, khơi gợi cảm xúc đạo đức, khai thác kinh  nghiệm với các chuẩn mực đạo đức để kích thích nhu cầu tìm hiểu trong học tập,  khám phá tri thức.  *\* Cách thực hiện:* | |
| ***\* Khởi động:***  - GV tổ chức cho học sinh tham gia trò chơi “ ***Bắn tên*** ”: *Kể tên một số ngày lễ, tết dành cho trẻ em*.  - GV chia lớp thành các nhóm học tập.  - GV phổ biến luật chơi: Chia lớp thành 2 đội, mỗi đội gồm 5 học sinh.  Người quản trò sẽ hô: “*Bắn tên, bắn tên*” và cả lớp sẽ đáp lại: “*tên gì, tên gì*”. Sau đó, người quản trò sẽ gọi tên bạn học sinh trong lớp và đặt câu hỏi để bạn đó trả lời. Nếu trả lời đúng thì bạn đó sẽ hô tiếp tục“*Bắn tên, bắn tên*” và cả lớp sẽ đáp lại: “*tên gì, tên gì*” và bạn đó chỉ tên bạn nhận câu hỏi tiếp theo đến khi trra lời hết các câu hỏi. Đội nào trả lời nhanh và đúng nhiều nhất đội đó thắng.  + Mỗi nhóm lần lượt kể được các ngày lễ, tết dành cho trẻ em và nêu được các hoạt động chủ yếu thường diễn ra trong ngày đó.  + Nhóm nào kể được nhiều ngày lễ, tết và nêu được nhiều hoạt động hơn sẽ thắng cuộc.  - *GV gợi ý*: Trong ngày tết Trung Thu, các hoạt động thường diễn ra: rước đèn, phá cỗ, bày mâm ngũ quả,...  + Tết trung thu là ngày gì?  + Hoa tượng trưng cho mùa xuân ở miền Bắc.  + Vị khách đầu tiên đến nhà chúc tết  được gọi là gì  + Ngày tết các thầy đồ thường làm gì?  + Bánh chưng làm bằng gạo gì?  + Loại lá nào dùng gói bánh trưng?  - GV tổ chức thực hiện trò chơi: Mời bất kì thành viên nào trong mỗi nhóm luân phiên nhau nêu tên của các ngày lễ, tết.  - GV nhận xét, đánh giá, trao thưởng cho các nhóm giành chiến thắng.  ***\* GV chốt chuyển***  ***\* Kết nối:*** Trẻ em là mầm non, tương lai của đất nước. Việc bảo vệ, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự phát triển của đất nước bởi đất nước có phồn thịnh hay không là nhờ vào lớp trẻ ấy. ***Bài 12: Em thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em*** sẽ giúp các em biết được những quyền cơ bản của mình và nghĩa vụ của mình đối với gia đình, với xã hội.  - ***Ghi bảng***: *Bài 12: Em thực hiện quyền*  *và bổn phận của trẻ em* | - HS lắng nghe tên trò chơi.  - HS hoạt động nhóm dưới sự phân chia của Giáo viên.  - HS lắng nghe GV hướng dẫn luật chơi.    + Tết Trung Thu, theo Âm lịch là ngày rằm tháng 8 hằng năm. Đây là ngày tết của trẻ em, còn được gọi là "Tết trông Trăng".  + Hoa đào  + Xông nhà  + Viết câu đối  + Gạo nếp  + Lá dong  - HS tham gia trò chơi và các thành viên trong mỗi nhóm luân phiên nhau nêu tên của các ngày lễ, tết.  - HS lắng nghe GV nhận xét, đánh giá và trao thưởng cho nhóm giành chiến thắng trong cuộc chơi.  - HS lắng nghe.  - HS nhắc nối tiếp và ghi đầu bài vào vở |
| **B. Hình thành kiến thức**  *\* Mục tiêu*  - Kể được một số quyền và bổn phận cơ bản của trẻ em; Đọc 5 điều Bác Hồ dạy thiếu niên, nhi đồng về một số bổn phận mà trẻ em cần thực hiện.  - Phát triển được các năng lực cơ bản qua phần khám phá cơ bản sau: Năng lực điều chỉnh hành vi, nêu và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp và hợp tác nhóm trong quá trình kết hợp kể một số quyền và bổn phận của trẻ em qua phần khám phá.  *\* Cách thực hiện* | |
| ***Hoạt động 1: Quan sát tranh***  - GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi:  + Các tranh nói đến quyền nào của trẻ em?  + Em hãy kể thêm những quyền khác của trẻ em.  - GV mời đại diện 3 – 5 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  + Các tranh nói đến quyền nào của trẻ em?  + Em hãy kể thêm những quyền khác của trẻ em.  - GV yêu cầu cả lớp nhận xét và đánh giá câu trả lời của bạn.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá và đưa ra câu trả lời phù hợp.  ***\* Kết luận:***  + Các quyền cơ bản của trẻ em trong các tranh:    Quyền được học tập, giáo dục  Quyền được bảo vệ thân thể    Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng  Quyền bày tỏ ý kiến  + Các quyền khác của trẻ em:  *Quyền được chăm sóc sức khỏe.*  *Quyền được sống chung với bố mẹ.*  *Quyền được vui chơi, giải trí.*  *Quyền được khai sinh, có quốc tịch,...*  ***Hoạt động 2. Đọc 5 điều Bác Hồ dạy thiếu niên, nhi đồng và trả lời câu hỏi.***  - GV yêu cầu HS: Đọc 5 điều Bác Hồ dạy thiếu niên, nhi đồng và trả lời câu hỏi sau.  + Bác Hồ dạy trẻ em cần thực hiện những bổn phận nào?  + Em hãy kể thêm một số bổn phận mà trẻ em cần thực hiện.  **5 ĐIỀU BÁC HỒ DẠY**  **1.** Yêu Tổ Quốc, yêu đồng bào  **2.** Học tập tốt, lao động tốt  **3.** Đoàn kết tốt, kỉ luật tốt  **4.** Giữ gìn vệ sinh thật tốt  **5.** Khiêm tốn, thật thà, dũng cảm  - GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và đưa ra câu trả lời phù hợp:  ***\* Kết luận:***  + Các bổn phận mà trẻ em cần phải thực hiện như sau qua 5 điều Bác Hồ dạy:  *- Yêu Tổ Quốc, yêu quê hương, yêu*  *đất nước.*  *- Học tập tốt, lao động tốt phù hợp với lứa tuổi.*  *- Đoàn kết, giúp đỡ mọi người.*  *- Giữ gìn vệ sinh, khiêm tốn, thật thà, dũng cảm*.  + Các bổn phận khác của trẻ em như:  *- Lễ phép, hiếu thảo với ông bà, bố mẹ.*  *- Tôn trọng thầy cô giáo, bạn bè.*  *- Giữ gìn và bảo vệ tài sản cá nhân và cộng đồng.*  **Hoạt động 3: Đọc ý kiến và trả lời câu hỏi**  - GV yêu cầu HS đọc các ý kiến và trả lời câu hỏi.  a. Thực hiện tốt quyền trẻ em, giúp trẻ em được phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần.  b. Thực hiện tốt quyền trẻ em, giúp trẻ em được bảo vệ, chăm sóc, giáo dục, vui chơi, giải trí, được sống và phát triển lành mạnh, bình đẳng, hạnh phúc.  c. Hiểu biết quyền trẻ em, giúp em bảo vệ lợi ích chính đáng của bản thân và tôn trọng quyền của người khác.  d. Thực hiện tốt các bổn phận của trẻ em sẽ giúp em được rèn luyện để trở thành những công dân có ích.  e. Thực hiện tốt các bổn phận của trẻ em giúp em được mọi người yêu quý hơn.  g. Chúng ta cần thực hiện tốt các bổn phận của trẻ em, vì đó là trách nhiệm của trẻ em và cũng nhằm để thể hiện quyền trẻ em.  + Vì sao phải thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em?  + Em hãy nêu thêm ý nghĩa của việ thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em.  - GV mời 2 – 3 HS phát biểu câu trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét.  - Giáo viên nhận xét và đưa ra câu trả lời phù hợp.  ***\* Kết luận:***  *a. Thực hiện tốt quyền trẻ em, giúp trẻ em được phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần.*  *b. Thực hiện tốt quyền trẻ em, giúp trẻ em được bảo vệ, chăm sóc, giáo dục, vui chơi, giải trí, được sống và phát triển lành mạnh, bình đẳng hạnh phúc.*  *c. Hiểu biết quyền trẻ em, giúp em bảo vệ lợi ích chính đáng của bản thân và tôn trọng quyền của người khác.*  *d. Thực hiện tốt các bổn phận của trẻ em sẽ giúp em được rèn luyện để trở thành những công dân có ích.*  *e. Thực hiện tốt các bổn phận của trẻ em giúp em được mọi người yêu quý hơn.*  *g. Chúng ta cần thực hiện tốt các bổn phận của trẻ em, vì đó là trách nhiệm của trẻ em và cũng nhằm để thể hiện quyền trẻ em.*  **\* GV chốt, chuyển** | - HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi:      + Đại diện 3 – 5 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến.  + Các tranh nói đến quyền sau:  (1): Bảo vệ thân thể.  (2): Học tập  (3): Tự do ngôn luận.  (4): Nuôi dưỡng.  + Các quyền khác của trẻ em đó là: quyền sống, quyền được khai sinh và có quốc tịch, quyền về tài sản, quyền tự do tín ngưỡng, quyền bí mật đời sống riêng tư,.......  - Nhận xét câu trả lời và đưa ra đánh gá của bản thân cho câu trả lời của các bạn.  - Nghe GV nhận xét, đánh giá.    - HS đọc 5 điều Bác Hồ dạy thiếu niên, nhi đồng Việt Nam và trả lời câu hỏi.  + Bác Hồ đã dạy trẻ em cần thực hiện những bổn phận: yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, học tập, lao động, đoàn kết, kỉ luật, giữ gìn vệ sinh, khiêm tốn, thật thà, dũng cảm.  + Một số bổn phận mà trẻ em cần thực hiện:  (1) Phải biết bảo vệ quyền của mình và tôn trọng quyền của người khác  (2) Phải thực hiện tốt nghĩa vụ và bổn phận của mình  (3) Hiểu sự quan tâm của mỗi người đối với mình. Biết ơn cha mẹ, những người đã chăm sóc, dạy dỗ, giúp đỡ mình.  - HS nhận xét câu trả lời của bạn. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến.  - Nghe GV nhận xét, đánh giá.  - HS đọc các ý kiến và trả lời câu hỏi.  + Phải thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em vì: để bảo đảm lợi ích tốt nhất của trẻ em trong các quyết định liên quan đến trẻ em. Giúp các em ý thức được những bổn phận của mình để có trách  nhiệm hơn với xã hội.  + Ý nghĩa của việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em:  \* Là điều kiện cần thiết để trẻ em phát triển đầy đủ, toàn diện về thể chất và tinh thần.  - Thực hiện quyền trẻ em đảm bảo cho trẻ em được sống, phát triển trong bầu không khí hạnh phúc, yêu thương, lành mạnh...  - HS phát biểu câu trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét.  - Nghe GV nhận xét. |
| **C. Hoạt động Luyện tập**  *\* Mục tiêu*  - Thông qua hoạt động, HS thực hiện được quyền và bổn phận của trẻ em phù hợp với lứa tuổi. Thể hiện thái độ đồng tình hay không đồng tình với các quan  điểm về quyền và bổn phận của trẻ em. một số quyền và bổn phận cơ bản của trẻ  em; Biết vì sao phải thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em.  - Qua hoạt động này học sinh phát triển được các năng lực sau: Nêu và giải quyết vấn đề về các quan điểm quyền và bổn phận; Giao tiếp và hợp tác khi hoạt động nhóm thảo luận về thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em  phù hợp với lứa tuổi.  *\* Cách tiến hành* | |
| ***Hoạt động 1: Quan sát tranh và trả lời câu hỏi***.  - GV yêu cầu HS chia nhóm và thảo luận nhóm về các câu hỏi có trong tranh phần luyện tập.          *+ Các bạn trong tranh đã thực hiện quyền và bổn phận nào?*  *+ Hãy kể một số quyền và bổn phận của trẻ em mà bản thân đã thực hiện.*  - GV mời đại diện 3 – 5 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - Giáo viên nhận xét, đánh giá và đưa ra câu trả lời phù hợp.  ***\* Kết luận***:  Các quyền và bổn phận của trẻ em như: *Tuân thủ chấp hành luật giao thông; Giúp đỡ người khó khăn; Yêu quê hương đất nước; Tôn trọng đồ vật, quyền riêng tư; Quyền được chăm sóc sức khỏe; quyền vui chơi, giải trí*.  **Hoạt động 2: Bày tỏ ý kiến**  - GV yêu cầu HS đọc các ý kiến và trả lời câu hỏi.  + Em đồng tình hay không đồng tình với các ý kiến nào dưới đây  a. Trẻ em cần được người lớn chăm sóc, nên không phải thực hiện bổn phận gì.  b. Trẻ em cần tôn trọng quyền, danh dự và nhân phẩm của người khác.  c. Trẻ em được ưu tiên tiếp cận, sử dụng dịch vụ phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh.  d. Trẻ em có quyền đi học, đến trường và được tạo điều kiện để học tập tốt.  e. Cần thực hiện quyền của trẻ em, vì trẻ em là tương lai của mỗi quốc gia, dân tộc.  - GV mời đại diện 3 – 5 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - Giáo viên nhận xét, đánh giá và đưa ra câu trả lời phù hợp  ***\* Kết luận:***  Quyền trẻ em là tất cả những gì trẻ em cần có để được sống và lớn lên một cách lành mạnh và an toàn. Quyền trẻ em nhằm đảm bảo cho trẻ em không chỉ là người tiếp nhận thụ động lòng nhân từ của người lớn, mà các em là những thành viên Tham gia tích cực vào quá trình phát triển của chính mình.  Quyền trẻ em là một bộ phận không thể thiếu của quyền con người.  **Hoạt động 3: Xử lý tình huống**  - GV yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm 6 và giao nhiệm vụ cho học sinh giải quyết.  - GV gọi học sinh đọc 6 tình huống.  - Yêu cầu HS 6 nhóm thảo luận, nêu cách ứng xử phù hợp với việc thực hiện quyền và bổn phận trẻ em.  - GV mời đại diện 6 nhóm, trình bày kết quả thảo luận.  + Nếu là An, em sẽ ứng xử như thế nào?  *(Tình huống 1)*  + Nếu là Huệ, em sẽ ứng xử như thế nào? *(Tình huống 2)*  + Nếu là bạn của Hiển, em sẽ ứng xử như thế nào*? (Tình huống 3)*  + Nếu là Hoa, em sẽ ứng xử như thế nào? *(Tình huống 4)*  + Nếu là bạn của Lan, em sẽ khuyên Lan như thế nào? *(Tình huống 5)*  + Nếu là An, em sẽ khuyên Hiếu như thế nào? *(Tình huống 6)*  - GV mời các nhóm nhận xét, đánh giá nhau về cách giải quyết các tình huống về cách ứng xử phù hợp với việc thực hiện quyền và bổn phận trẻ em.  - GV nhận xét đánh giá và rút ra kết luận cuối cùng về cách xử lý các tình huống trên về cách ứng xử phù hợp với việc thực hiện quyền và bổn phận trẻ em. | - Học sinh chia nhóm 4 và thảo luận nhóm 4 về các câu hỏi có trong tranh phần luyện tập.  + Các bạn trong tranh đã thực hiện quyền và bổn phận:  (1): Bổn phận: Tuân thủ và chấp hành pháp luật  (2): Bổn phận: Tôn trọng, lễ phép với  người lớn tuổi; quan tâm, giúp đỡ  người già  (3): Bổn phận: Yêu quê hương, đất nước  (4): Bổn phận: Tôn trọng quyền riêng tư của người khác.  (5): Quyền: Quyền được chăm sóc tốt nhất về sức khỏe, được ưu tiên tiếp cận, sử dụng dịch vụ phòng bệnh và khám bệnh, chữa bệnh.  + Một số quyền và bổn phận của trẻ em mà bản thân đã thực hiện:  - Quyền:  + Quyền được khai sinh  + Quyền vui chơi, giải trí  + Quyền được sống chung với cha, mẹ  - Bổn phận:  + Tôn trọng giáo viên, cán bộ, nhân viên của nhà trường  + Học tập, rèn luyện, giữ gìn nề nếp gia đình, phụ giúp cha mẹ và các thành viên trong gia đình những công việc phù hợp với độ tuổi...  - Đại diện 3 – 5 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến.  - Lắng nghe GV đánh giá, nhận xét.  - HS đọc các ý kiến và trả lời câu hỏi.  + Em đồng tình với các ý kiến sau:  *b. Trẻ em cần tôn trọng quyền, danh dự*  *và nhân phẩm của người khác.*  *c. Trẻ em được ưu tiên tiếp cận, sử dụng dịch vụ phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh.*  *d. Trẻ em có quyền đi học, đến trường và được tạo điều kiện để học tập tốt.*  *e. Cần thực hiện quyền của trẻ em, vì trẻ em là tương lai của mỗi quốc gia, dân tộc.*  + Em không đồng tình với các ý kiến sau  *a. Trẻ em cần được người lớn chăm sóc, nên không phải thực hiện bổn phận gì.*  - Đại diện 3 – 5 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến.  - Lắng nghe GV đánh giá, nhận xét.  - Nghe GV nhận xét.  - Học sinh làm việc theo nhóm 6 và thực hiện nhiệm vụ học tập cần giải quyết.  - HS đọc các tình huống.  - HS 6 nhóm thảo luận, nêu cách ứng xử phù hợp với việc thực hiện quyền và bổn phận trẻ em.  - Đại diện 6 nhóm, trình bày kết quả thảo luận theo ý hiểu của mình.  + Nếu là An, em sẽ thuyết phục bố mẹ  cho mình đi theo sở thích và năng khiếu của mình vì như vậy sẽ tốt và có hiệu quả hơn.  + Nếu là Huệ, em sẽ xin phép bố mẹ để được tiếp tục đến trường và hứa là ngoài giờ học ở trường sẽ phụ giúp bố mẹ những công việc khác trong khả năng của mình.  + Nếu là bạn của Hiển, em sẽ khuyên bạn ấy nên mạnh dạn đề xuất ý kiến với nhà trường vì đó là quyền tự do ngôn luận, xây dựng xã hội tốt đẹp hơn.  + Nếu là Hoa, em sẽ nói với bạn rằng: Các bác bảo vệ cô lao công đã rất vất vả vì chúng mình, mình cần phải lễ phép, kính trọng với họ.  + Nếu là bạn của Lan, em sẽ khuyên Lan thực hiện những công việc mẹ giao vì đó là những công việc nằm trong khả năng của mình, mình phải thực hiện bổn phận của bạn thân với gia đình là giúp đỡ bố mẹ.  + Nếu là An, em sẽ khuyên Hiếu: đây là bổn phận mà mình cần thực hiện với nhà trường để tránh lãng phí tiền bạc của xã hội.  + Các nhóm nhận xét, đánh giá nhau về cách giải quyết các tình huống về cách ứng xử phù hợp với việc thực hiện quyền và bổn phận trẻ em.  - HS nghe. |
| **D. Hoạt động vận dụng**  *\* Mục tiêu*  Giúp học sinh vận dụng những điều đã học để chia sẻ và thực hiện một số quyền và bổn phận cơ bản của trẻ em; Biết phải thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em.  Qua hoạt động này phát triển một số năng lực sau: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác.  *\* Cách thực hiện* | |
| **Hoạt động 1, 2: Chia sẻ với bạn bè về một lần em được giúp đỡ thực hiện quyền và một số bổn phận mà em đã thực hiện.**  - GV yêu cầu HS đọc và thực hiện yêu cầu một lần em được giúp đỡ về quyền và một số bổn phận mà em đã thực hiện  - GV mời 3 - 5 HS phát biểu câu trả lời của mình.  1. Chia sẻ với bạn về một lần em được giúp đỡ thực hiện quyển và một số bổn phận mà em đã thực hiện.  2. Em cùng bạn xây dựng bảng nói về một số quyền và bổn phận của trẻ em bằng các từ dễ nhớ. Sau đó dán ở cuối lớp để thực hiện và nhắc nhở bạn bè cùng thực hiện.  - GV nhận xét, đánh giá, tổng kết câu trả lời tốt nhất.  **\* GV chốt, chuyển**  - GV cho HS đọc lời khuyên trong SGK *Đạo đức* trang 64.  - GV giao nhiệm vụ cho học sinh về nhà thực hiện.  - Nhận xết tiết học. | - HS đọc và thực hiện yêu cầu một lần em được giúp đỡ về quyền và một số bổn phận mà em đã thực hiện.  - 3 - 5 HS phát biểu câu trả lời của mình.  + Trong đợt đại dịch covid vừa rồi, khi thấy súc khỏe có vấn đề, em đã đến trạm y tế xã và được hỗ trợ test covid. Kết quả là em bị dương tính. Em đã được các cô y tá hướng dẫn cách tự chăm sóc sức khỏe tại nhà.   |  |  | | --- | --- | | **Quyền** | **Bổn phận** | | - Sống  - Khai sinh  - Chăm sóc, nuôi dưỡng  - Giáo dục  - Đoàn tụ | - Kính trọng, lễ phép, hiếu thảo  - Giữ gìn, bảo vệ tài sản  - Tố giác hành vi vi phạm pháp luật  - Không rời bỏ gia đình |   - Nghe GV nhận xét.    - Học sinh về nhà thực hiện một số quyền và bổn phận mà trẻ em phải thực hiện về quyền trẻ em. Tuần sau đến tiết Đạo Đức sẽ lên trình bày các việc mình đã làm để thể hiện số quyền và bổn phận mà trẻ em phải thực hiện về quyền trẻ em. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY** *(Nếu có)***:**

.....................................................................................................................................

**Thứ ba ngày 16 tháng 4 năm 2024**

**Bài viết 3: VIẾT HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG MỘT SẢN PHẨM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học này, học sinh sẽ:

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

***1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ***

- Viết được bài văn giới thiệu một sản phẩm và lời hướng dẫn sử dụng sản phẩm.

***1.2. Phát triển năng lực văn học***

Bài viết mắt ít lỗi, chính tả, ngữ pháp, sử dụng dấu câu phù hợp. Sắp xếp các ý theo thứ tự phù hợp.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập chọn đề tài viết bài giới thiệu hướng dẫn sử dụng sản phẩm.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng những điều đã học để viết được bài hướng dẫn với thiệu sử dụng sản phẩm

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết nhận xét, trao đổi về cách trình bày bài viết.

**3. Góp phần phát triển các phẩm chất**

**-** Yêu nước: Bồi dưỡng, nâng cao ý thức bảo vệ tài sản cho HS.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

– GV chuẩn bị: Bài giảng powerpoint, phiếu học tập, video bài hát Cái cây xanh xanh, tranh vẽ các hình ảnh về các bước trồng cây.

– HS chuẩn bị: SGK, thẻ cờ

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức cho HS hát bài “ Cái cây xanh xanh”.  - GV dẫn dắt vào bài mới: Trong bài viết 1, chúng ta đã làm quen với những bài hướng dẫn và lời hướng dẫn cách sử dụng một sản phẩm .Trong bài học hôm nay chúng ta sẽ tiếp tục rèn luyện về cách viết hướng dẫn sử dụng một sản phẩm | - HS hát.  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá**  **-** Mục tiêu: + Tìm hiểu cách viết bài văn hướng dẫn sử dụng sản phẩm  + Hoàn thành các bước hướng dẫn sử dụng dựa vào các gợi ý, chữ viết rõ ràng, đúng chính tả, ngữ pháp.  **-** Cách tiến hành: | |
| **Hoạt động 1: Đọc bản hướng dẫn có hình ảnh về các bước trồng cây**  **Bài 1:**  Giáo viên mời hai học sinh đọc nối tiếp yêu cầu của bài tập.  giáo viên hỏi: đề bài 1 và 2 yêu cầu khác nhau điểm nào ?  - GV gọi HS nhận xét  - GV nhận xét, tuyên dương  - Giáo viên tổ chức cho hai học sinh chọn cùng một đề để làm việc nhóm đôi trao đổi về nội dung đoạn văn. | - 2 HS đọc. Cả lớp đọc thầm  + Đề bài một yêu cầu viết bài văn giới thiệu một sản phẩm và hướng dẫn sử dụng sản phẩm dựa trên bản hướng dẫn bằng hình và lời có sẵn.  + Đề bài hai yêu cầu viết lại hướng dẫn với các bước phù hợp với hình.  - HS nhận xét  - HS lắng nghe  + Với đề 1: bạn đã dùng ống nhòm chưa? Ống nhòm dùng để làm gì? Làm thế nào để chỉnh khoảng cách giữa hai ống cho vừa mắt? Làm thế nào để rõ nét các vật qua ổng nhòm?  + Với đề 2: Ở nhà bạn có những vật dụng nào được bật tất điều chỉnh bằng điều khiển? Các điều kiện đó hoạt động được nhờ cái gì? Bạn đã bao giờ thay pin cho điều khiển chưa? Bạn hãy giới thiệu các bước lắp pin cho một chiếc điều khiển? |
| **3. Luyện tập – thực hành** | |
| **Hoạt động 2: Hoàn thành bài viết:**  GV yêu cầu viết bài vào vở theo đề bài đã chọn  Giáo viên đến từng bàn giúp đỡ học sinh yếu kém, khuyến khích học sinh khá, giỏi viết rõ ràng chi tiết những việc cần chuẩn bị cần làm để sử dụng ống nhòm hoặc thay pin cho điều khiển  -Mời một số học sinh tiếp nối nhau đọc và giới thiệu sản phẩm.  - Gọi HS nhận xét, bình chọn  - GV nhận xét, tuyên dương những bài viết rõ ràng mình là ít mắc lỗi | Học sinh viết bài vào vở  + Sau khi trồng cây, chúng ta cần phải cắm một cái cọc cách gốc 5 xăng – ti – mét, buộc cọc với thân cây, tưới nước cho cây.  - HS trình bày  - HS nhận xét, bình chọn  - HS lắng nghe |
| **4. Vận dụng**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  + Phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | |
| - GV yêu cầu HS về nhà thực hiện quay video lại về hướng dẫn sử dụng một sản phẩm bất kì.  - Nhận xét tiết học, dặn dò bài về nhà. | - HS về nhà thực hiện  - HS lắng nghe |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy**  .................................................................................................................................. | |

**Bài 85: LUYỆN TẬP ( 2 TIẾT)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

*Sau khi học xong bài này học sinh đạt các yêu cầu sau:*

***1. Năng lực đặc thù:***

- Ôn tập, củng cố kĩ năng nhân, chia hai phân số.

- Biết chia phân số cho số tự nhiên và chia số tự nhiên cho phân số.

- Giải được các bài toán có lời văn liên quan đến phép nhân, phép chia phân số.

***2. Năng lực chung.***

- *Tự chủ và tự học*: Học sinh tích cực, chủ động suy nghĩ để giải các bài tập.

- *Giao tiếp và hợp tác*: Trao đổi, thảo luận với bạn bè về các cách giải các bài toán về nhân, chia phân số qua các bài tập và tình huống thực tế.

- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Đề xuất được các cách giải đối với bài toán về nhân, chia phân số trong thực tế cuộc sống.

***3. Phẩm chất.***

*- Phẩm chất nhân ái:* Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

*- Phẩm chất chăm chỉ:* Có tinh thần chăm chỉ học tập, tự giác suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

*- Phẩm chất trách nhiệm:* Biết lắng nghe, có thái độ học tập nghiêm túc, hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

**II. Đồ dùng dạy học**

- Giáo viên: Phiếu học tập, hình vẽ SGK. Câu hỏi cho phần trò chơi

**- Học sinh**: SHS, vbt, các đồ dùng học tập cần thiết.

**III. Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** |
| **A. Hoạt động mở đầu**  *\* Mục tiêu:*  - Cho học sinh ổn định tổ chức đầu giờ, tạo tâm thế vui tươi, phấn khởi và kết nối với bài học. Ôn lại cách nhân, chia phân số.  *\* Cách thực hiện:* | |
| - Trò chơi: Ô cửa bí mật  - GV nêu luật chơi: Các em lần lượt chọn các ô cửa, trong mỗi ô cửa là 1 thử thách, để mở được ô cửa các em phải trả lời đúng câu hỏi.  - Em hãy nêu cách nhân hai phân số  - Muốn chia hai phân số ta làm như thế nào?  -GV kết luận- tuyên dương HS  -GV: Bài học hôm nay các em sẽ được luyện tập, củng cố kĩ năng nhân, chia hai phân số. | - HS lắng nghe giáo viên phổ biến luật chơi.  - HS chọn các ô cửa và trả lời câu hỏi  -HS lắng nghe và ghi bài |
| **B. Hoạt động luyện tập, thực hành**  **\* Mục tiêu:**  - Luyện tập, củng cố kĩ năng nhân, chia hai phân số.  - Vận dụng được cách nhân, chia hai phân số để giải các bài toán liên quan đến nhân, chia hai phân số vào thực tế cuộc sống.  *\* Cách thực hiện:* | |
| **Bài 1: Tính**  - GV gọi HS nêu yêu cầu của bài tập.  - GV cho học sinh làm bài vào phiếu học tập  - GV gọi HS trình bày bài làm của mình  - Cho HS nhận xét bài làm của bạn  - GV chốt đáp án và nhận xét.  - GV tổng kết: Qua bài này chúng ta đã ôn tập, củng cố các kĩ năng về tìm phân số của một số.  **Bài 2: Tính**  **-**  Gọi HS nêu yêu cầu của bài.  - Yêu cầu HS hoàn thành bài tập.  - GV yêu cầu đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp cách làm của mình  - GV gọi các nhóm nhận xét và chữa bài.  - GV nhận xét các nhóm  **Bài 3:**  - Gọi HS nêu yêu cầu của bài.  -GV cho học sinh quan sát và phân tích mẫu  - GV cho học sinh nêu cách chia phân số cho số tự nhiên  - GV cho học sinh nêu cách chia số tự nhiên cho phân số.  + Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?  - Yêu cầu HS dựa vào hướng dẫn và hoàn thành bài tập.  - GV yêu cầu đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp cách làm của mình  - GV gọi các nhóm nhận xét và chữa bài.  - GV nhận xét chung  **Bài 4:**  - Gọi HS nêu yêu cầu của bài.  - GV cho học sinh thực hiện tính giá trị của biểu thức theo thứ tự từ trái qua phải  - GV yêu cầu HS làm vào vở và chia sẻ trước lớp cách làm của mình  - GV gọi HS nhận xét và chữa bài.  **Bài 5:**  - Gọi HS nêu yêu cầu của bài.  - GV yêu cầu HS làm vào vở và chia sẻ trước lớp cách làm của mình  - GV gọi HS nhận xét và chữa bài.  Bài 6:  - Gọi HS nêu yêu cầu của bài.  - GV yêu cầu HS làm vào vở và chia sẻ trước lớp cách làm của mình  - GV gọi HS nhận xét và chữa bài. | - HS nêu yêu cầu của bài tập.  - HS làm bài trên phiếu học tập  - HS chia sẻ bài với bạn- Chia sẻ trước lớp - Lớp nhận xét.      - HS làm vào vở, HS trình bày bài làm của mình- Cả lớp nhận xét    -HS đọc yêu cầu của bài  -HS quan sát và phân tích mẫu  - HS nêu: Khi chia một phân số cho số tự nhiên, ta có thể chia tử số cho tích của số tự nhiên ấy với tử số  Khi chia một số tự nhiên cho một phân số, ta có thể nhân số tự nhiên ấy với mẫu số rồi chia cho tử số.  - HS vận dụng làm bài vào vở  - HS trình bày bài làm-Cả lớp nhận xét  .  -HS đọc yêu cầu của bài  - HS thực hiện tính theo thứ tự từ trái sang phải  - HS trình bày bài làm và nêu thứ tự các bước tính  - Cả lớp nhận xét, bổ sung  ***Bài giải***  Tuấn Anh cắt được số đoạn dây là:  9 : = 6 ( đoạn)  Đáp số: 6 đoạn  - HS chú ý nghe, chữa bài vào vở.  .  Bài giải  Số trẻ em trong phòng chiếu phim đó là:  60 x = 36 ( người)  Số người lớn trong rạp chiếu phim đó là  60 – 36 = 24 ( người)  Đáp số: 24 người |
| **D. Hoạt động vận dụng** | |
| \* *Mục tiêu*:  - HS có thể chơi trò chơi “*Ai nhanh hơn*” vận dụng các kiến thức đã học về phép chia số tự nhiên cho phân số để giải các bài toán liên quan trong thực tế cuộc sống.  *\* Cách thực hiện:* | |
| **Bài 4: Trò chơi**  - GV nêu bài toán  - HS đọc yêu cầu của bài toán và ghi đáp án ra bảng con, bạn nào có kết quả đúng và nhanh hơn sẽ là người thắng cuộc.  ***\* Củng cố, dặn dò***.  - Qua bài học hôm nay em biết thêm được điều gì?  - Em hãy tìm trong thực tế các tình huống vận dụng phép nhân, chia phân số | - HS đọc yêu cầu của bài tập.  - HS chơi trò chơi.  ***Bài giải***  Thời gian để chị Linh đọc hết quyển sách đó là:  3 : = 6 ( ngày)  Đáp số: 6 ngày  -HS trả lời: Học được cách hân, chia hai phân số, chia số tự nhiên cho phân số và ngược lại |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY** *(Nếu có)*:

.....................................................................................................................................

**BÀI 22: CHUỖI THỨC ĂN (tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

- Trình bày được mối liên hệ giữa các sinh vật trong tự nhiên thông qua chuỗi thức ăn.

- Nêu được ví dụ về chuỗi thức ăn.

- Sử dụng được sơ đồ đơn giản để mô tả sinh vật này là thức ăn của sinh vật khác trong tự nhiên.

- Viết được chuỗi thức ăn với các sinh vật có ở môi trường xung quanh.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: Chú ý học tập, tự giác tìm hiểu thức ăn của các sinh vật xung quanh để hoàn thành tốt nội dung tiết học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tích cực, sôi nổi và nhiệt tình thảo luận trong các hoạt động nhóm. Có khả năng trình bày trước lớp mối liên hệ giữa các sinh vật trong tự nhiên thông qua chuỗi thức ăn, sơ đồ chuỗi thức ăn của nhóm.- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tích cực, sáng tạo trong hoạt động làm sơ đồ chuỗi thức ăn. Nói được một số ví dụ về chuỗi thức ăn. Quan sát sinh vật qua tranh ảnh và ở môi trường xung quanh để phát hiện ra sinh vật này là thức ăn của sinh vật khác, từ đó viết được chuỗi thức ăn. Tích cực tham gia các trò chơi và hoạt động vận dụng.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất trách nhiệm: Có trách nhiệm với công việc đã được giao trong quá trình tham gia các hoạt động nhóm. Hoàn thành tốt sơ đồ chuỗi thức ăn, nghiêm túc thực hiện các nhiệm vụ trong hoạt động của nhóm và cá nhân.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chủ động tìm hiểu các chuỗi thức ăn của con vật trong tự nhiên và hoàn thành tốt các nhiệm vụ trong quá trình tham gia các hoạt động.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Các thiết bị dùng chung cả lớp:** Tranh ảnh về sinh vật trong chuỗi thức ăn.

**2. Các thiết bị dùng để HS thực hành theo nhóm, cá nhân:** Hình ảnh các loài sinh vật, bảng con, phiếu học tập, đồ dùng học tập.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Tiết 1: Mối liên hệ thức ăn giữa các sinh vật**  **A. KHỞI ĐỘNG**  **\* Mục tiêu**  - Tạo cảm xúc vui tươi trước khi vào tiết học.  - Khơi gợi những hiểu biết đã có của HS về thức ăn của các sinh vật trong tự nhiên. | |
| **\* Cách tiến hành**  - GV cho HS hát và nhảy bài *“Động vật săn đêm”.*  - GV đặt câu hỏi:  *+ Bài hát nhắc tới con vật nào?*  *+ Con cú đang làm gì?*  *+ Vậy sâu là thức ăn của con gì?*  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt bài học mới: *Như vậy, các sinh vật trong tự nhiên có mối quan hệ với nhau bằng quan hệ thức ăn. Sinh vật này là thức ăn của sinh vật kia rồi sinh vật nhận thức ăn đó lại là thức ăn của sinh vật khác. Cứ như vậy tạo thành một chuỗi thức ăn trong tự nhiên. Để hiểu rõ hơn về chuỗi thức ăn thì bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu:*  **Bài 22: Chuỗi thức ăn**  - GV viết tựa bài lên bảng và yêu cầu HS nhắc lại. | - Cả lớp hát và vận động theo bài hát.  - Chú ý lắng nghe và trả lời câu hỏi:  *+ Bài hát nhắc tới con: con cú và con sâu.*  *+ Con cú đang tìm thức ăn.*  *+ Sâu là thức ăn của con cú.*  - Chú ý lắng nghe.  - Chú ý lắng nghe.  - Chú ý lắng nghe và nhắc lại. |
| **B. KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI**  **\* Mục tiêu:**  **-** Nhận biết được trong tự nhiên sinh vật này là thức ăn của sinh vật khác. | |
| **\* Cách tiến hành:**  ***Hoạt động 1: Tìm hiểu về mối quan hệ thức ăn giữa các sinh vật trong tự nhiên.***  - Mời 1 HS đọc yêu cầu trong SGK trang 91.  - GV yêu cầu học sinh quan sát hình 1, 2, 3, sau đó thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi sau:    *+ Trong hình 1, 2, 3 vẽ quang cảnh gì? Và có các con vật nào?*  *+ Thức ăn của mỗi con vật trong các hình trên là gì?*  - Hết thời gian thảo luận, GV mời đại diện các nhóm trình bày.  - Mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV đặt câu hỏi: “*Trong tự nhiên,* *các sinh vật có mối liên hệ như thế nào với nhau?”*  - GV nhận xét và cùng HS rút ra kết luận: *“trong tự nhiên, sinh vật này có thể là thức ăn của sinh vật khác tạo ra mối liên hệ về thức ăn.”* | - 1 HS đọc yêu cầu: *“Nêu tên các sinh vật có trong mỗi hình sau. Trong đó, sinh vật nào là thức ăn của sinh vật nào?”*  - HS quan sát, tiến hành thảo luận và trả lời câu hỏi.  - Đại diện các nhóm trình bày:  *+ Hình 1: vẽ một góc vườn. Các sinh vật: cây cà chua, sâu, chim, con người.*  *+ Trong đó, lá cà chua là thức ăn của con sâu, sâu là thức ăn của chim, quả cà chua là thức ăn của con người.*  *+ Hình 2: vẽ luống rau bắp cải. Các sinh vật: rau bắp cải, chuột, rắn.*  *+ Trong đó: cây bắp cải là thức ăn của con chuột, con chuột là thức ăn của con rắn.*  *+ Hình 3: vẽ một góc hồ. Các sinh vật: lá sen, ốc, rùa.*  *+ Trong đó: lá sen là thức ăn của ốc, ốc là thức ăn của rùa.*  - Đại diện các nhóm nhận xét, bổ sung (nếu có).  - Chú ý lắng nghe.  - Chú ý lắng nghe và trả lời: “*Trong tự nhiên,* *sinh vật này có thể làm thức ăn của sinh vật khác.”*  *-* Chú ý lắng nghe, rút ra kết luận và nhắc lại. |
| **C. THỰC HÀNH VÀ VẬN DỤNG**  **\* Mục tiêu**  - Nêu ví dụ khác về mối liên hệ thức ăn giữa các sinh vật trong tự nhiên. | |
| **\* Cách tiến hành**  **Hoạt động 2: Tìm hiểu về mối liên hệ thức ăn giữa các sinh vật khác trong tự nhiên.**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu.  - GV tổ chức cho cả lớp chơi trò chơi *“Rung chuông vàng”.*  - GV phổ biến cách chơi:  + GV sẽ nói tên 1 con vật, cả lớp sẽ viết tên thức ăn của con vật đó vào bảng con.  + HS nào trả lời đúng nhiều nhất sẽ chiến  thắng.  - Các con vật được nêu ra: con nai, con cò,  con sư tử, con cá mập, con bò, con hổ, con cào cào, con cá rô.  - GV bắt đầu trò chơi.  - Kết thúc trò chơi, GV nhận xét và tuyên  dương HS.  ***\*Mở rộng:*** *“Em hãy chia sẻ thức ăn của một số con vật xung quanh em”*  - GV nhận xét chung, tuyên dương HS. | - 1 HS đọc yêu cầu: *“Nêu ví dụ khác về mối liên hệ thức ăn giữa các sinh vật trong tự nhiên”.*  Chú ý lắng nghe.  - Chú ý lắng nghe.  - Chú ý lắng nghe.  - HS tham gia trò chơi.  - HS lắng nghe.  - HS chia sẻ.  - Chú ý lắng nghe. |

**Nói và nghe: TRAO ĐỔI: EM ĐỌC SÁCH BÁO**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học này, học sinh sẽ:

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

***1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ***

- Nhớ lại nội dung, giới thiệu được một câu chuyện ( bài thơ, bài văn, bài báo) đã đọc ở nhà về các phong trào yêu nước hoặc những tấm gương trong chiến đấu, học tập, rèn luyện của thiếu nhi Việt Nam.

- Biết lắng nghe bạn nói, ghi chép thắc mắc, nhận xét và trao đổi ý kiến phù hợp về câu chuyện ( bài thơ, bài văn, bài báo) được giới thiệu

***1.2. Phát triển năng lực văn học***

- Làm giàu vốn truyện, thơ,văn có nội dung về các phong trào yêu nước hoặc những tấm gương trong chiến đấu, học tập, rèn luyện của thiếu nhi Việt Nam. Biết bày tỏ sự yêu thích các nhân vật, chi tiết, hình ảnh thú vị trong câu chuyện.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung**

- Năng lực tự chủ, tự học: tự đọc sách báo, chọn các câu chuyện hoặc bài thơ, bài văn, bài báo phù hợp để kể lại hoặc đọc lại

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Kể chuyện biết kết hợp cử chỉ hành động, diễn cảm,...

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Lắng nghe, trao đổi với bạn một cách chủ động, tự nhiên, tự tin; nhìn vào mắt người cùng trò chuyện.

**3. Góp phần phát triển các phẩm chất**

- Yêu nước: Bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước.

- Chăm chỉ: Tạo cho HS thói quen đọc sách

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm đối với bản thân và cộng đồng

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

– GV chuẩn bị: Bài giảng powerpoint, video bài hát Đội em làm kế hoạch nhỏ.

– HS chuẩn bị: SGK, các câu chuyện ( bài thơ, bài văn, bài báo) đã đọc ở nhà về các phong trào yêu nước hoặc những tấm gương trong chiến đấu, học tập, rèn luyện của thiếu nhi Việt Nam.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức cho HS hát bài “ Đội em làm kế hoạch nhỏ ”.  - GV hỏi HS về nội dung của bài hát  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV dẫn dắt vào bài mới: Chúng ta đang học bài 17: *Khám phá thế giới* sau bài đọc 1 *Chẳng phải chuyện đùa* cô ( thầy) đã dặn các bạn tìm đọc ở nhà một câu chuyện một bài thơ bài văn bài báo về một nhà thám hiểm, một cuộc thám hiểm hoặc một sự khám phá phát hiện mới. Hôm nay chúng ta sẽ cùng trao đổi nội dung về câu chuyện mà em đã đọc. | - HS hát.  - HS tar lời  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập – Thực hành**  **-** Mục tiêu:  + Nhớ lại nội dung, giới thiệu được một câu chuyện ( bài thơ, bài văn, bài báo) đã đọc câu chuyện một bài thơ bài văn bài báo về một nhà thám hiểm, một cuộc thám hiểm hoặc một sự khám phá phát hiện mới.  + Biết lắng nghe bạn nói, ghi chép thắc mắc, nhận xét và trao đổi ý kiến phù hợp về câu chuyện ( bài thơ, bài văn, bài báo) được giới thiệu  **-** Cách tiến hành: | |
| **Hoạt động 1: Chuẩn bị**  - GV gọi 1 HS nêu yêu cầu bài tập 1  - GV gọi một số HS cho biết em sẽ giới thiệu chuyện gì?  - Chuyện ( bài ) đó nói về điều gì ?  - Câu chuyện, bài thơ, bài văn đó e đọc được ở đâu ?  - GV gọi HS nhận xét  - GV nhận xét, tuyên dương.  **Hoạt động 2: Giới thiệu và trao đổi**  **a) Giới thiệu và trao đổi trong nhóm**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm đôi. Kể lại câu chuyện cho bạn mình nghe và trao đổi về nội dung câu chuyện.  - GV theo dõi, giúp đỡ HS trao đổi, thảo luận; khuyến khích các em trao đổi về nội dung và các nhận vật trong câu chuyện.  **b) Giới thiệu và trao đổi trước lớp**  - GV mời 1 HS nêu yêu cầu BT 2  - GV cho 2 – 3 HS lên bảng thi trình bày câu chuyện.  - Sau mỗi câu chuyện, GV mời HS đặt câu hỏi nếu các chi tiết các em chưa rõ.  - GV hướng dẫn HS trao đổi , thảo luận:  + Em thích nhận vật ( hoặc chi tiết, hình ảnh) nào trong câu chuyện ( bài thơ,bài văn, bài báo) đó ? Vì sao ?  + Em học được điều gì qua câu chuyện ( bài thơ, bài văn, bài báo ) đó?  - GV gọi HS nhận xét, bình chọn cho câu chuyện hay nhất.  - GV nhận xét, tuyên dương | - 1 HS nêu yêu cầu bài tập 1  - HS giới thiệu câu chuyện  - Chuyện đó nói về các phong trào yêu nước của thiếu nhi, các công trình măng non, những tấm gương thiếu nhi trong chiến đấu, học tập, rèn luyện.  - HS trả lời  - HS nhận xét  - HS lắng nghe  - HS thảo luận theo nhóm đôi.  - 1 HS nêu yêu cầu bài tập 2  - 2 – 3- HS lên bảng trình bày câu chuyện. HS lắng nghe, ghi chép những nội dung mình quan tâm.  - HS đưa ra câu hỏi.  - HS thảo luận về nội dung câu chuyện.  - HS nhận xét, bình chọn bạn kể hay nhất  - HS lắng nghe |
| **3. Vận dụng**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  + Phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | |
| - GV yêu cầu HS về nhà kể lại câu chuyện cho những người thân trong gia đình hoặc bạn bè nghe câu chuyện mình đã sưu tầm  - Nhận xét tiết học, dặn dò bài về nhà. | - HS về nhà thực hiện  - HS lắng nghe |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy**  .................................................................................................................................. | |

**BÀI 22: CHUỖI THỨC ĂN (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

- Trình bày được mối liên hệ giữa các sinh vật trong tự nhiên thông qua chuỗi thức ăn.

- Nêu được ví dụ về chuỗi thức ăn.

- Sử dụng được sơ đồ đơn giản để mô tả sinh vật này là thức ăn của sinh vật khác trong tự nhiên.

- Viết được chuỗi thức ăn với các sinh vật có ở môi trường xung quanh.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: Chú ý học tập, tự giác tìm hiểu thức ăn của các sinh vật xung quanh để hoàn thành tốt nội dung tiết học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tích cực, sôi nổi và nhiệt tình thảo luận trong các hoạt động nhóm. Có khả năng trình bày trước lớp mối liên hệ giữa các sinh vật trong tự nhiên thông qua chuỗi thức ăn, sơ đồ chuỗi thức ăn của nhóm.- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tích cực, sáng tạo trong hoạt động làm sơ đồ chuỗi thức ăn. Nói được một số ví dụ về chuỗi thức ăn. Quan sát sinh vật qua tranh ảnh và ở môi trường xung quanh để phát hiện ra sinh vật này là thức ăn của sinh vật khác, từ đó viết được chuỗi thức ăn. Tích cực tham gia các trò chơi và hoạt động vận dụng.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất trách nhiệm: Có trách nhiệm với công việc đã được giao trong quá trình tham gia các hoạt động nhóm. Hoàn thành tốt sơ đồ chuỗi thức ăn, nghiêm túc thực hiện các nhiệm vụ trong hoạt động của nhóm và cá nhân.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chủ động tìm hiểu các chuỗi thức ăn của con vật trong tự nhiên và hoàn thành tốt các nhiệm vụ trong quá trình tham gia các hoạt động.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Các thiết bị dùng chung cả lớp:** Tranh ảnh về sinh vật trong chuỗi thức ăn.

**2. Các thiết bị dùng để HS thực hành theo nhóm, cá nhân:** Hình ảnh các loài sinh vật, bảng con, phiếu học tập, đồ dùng học tập.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 2: Một số chuỗi thức ăn**  **A. KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI**  **\* Mục tiêu:**  **-** Xác định được mối liên hệ thức ăn giữa các sinh vật trong tự nhiên thông qua chuỗi thức ăn.  - Sử dụng được sơ đồ đơn giản để mô tả sinh tả sinh vật này là thức ăn của sinh vật khác trong tự nhiên. | |
| **\* Cách tiến hành:**  **Hoạt động 3: Sơ đồ hóa mối quan hệ thức ăn giữa các sinh vật trong tự nhiên.**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu trong SGK trang 92.  - GV yêu cầu học sinh quan sát hình 4 và trả lời cầu hỏi sau:    *+ Cây lúa là thức ăn của con gì?*  *+ Chuột là thức ăn của con gì?*  *+ Lúa, con chuột, con cú có mối liên hệ như thế nào?*  - Mời một số HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  [  - GV nhận xét, tuyên dương và giải thích thêm cho HS: *Sơ đồ trong hình 4 mô tả mối liên hệ thức ăn hay còn gọi là mối quan hệ dinh dưỡng giữa các loài sinh vật. Lúa là thức ăn của con chuột, con chuột lại là thức ăn của con cú, đây chính là một chuỗi thức ăn.*  - GV yêu cầu học sinh quan sát hình 5, sau đó thảo luận nhóm đôi để thực hiện yêu cầu sau: *“Trình bày chuỗi thức ăn ở hình 5.”*    - Hết thời gian thảo luận, GV mời một nhóm lên bảng chỉ và hỏi – đáp hình 5.  - Mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  *GV gợi ý cho HS (nếu chưa trả lời đủ):*  *+ Cỏ là thức ăn của con gì?*  *+ Thỏ là thức ăn của con gì?*  *+ Cáo là thức ăn của con gì?*  *+ Cỏ, thỏ, cáo, đại bàng có mối liên hệ như thế nào?*  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV đặt một số câu hỏi:  *+ Theo em, chuỗi thức ăn là gì?*  *+ Sinh vật là thức ăn của sinh vật khác luôn đứng ở phía trước hay phía sau mũi tên?*  *+ Mỗi sinh vật trong chuỗi thức ăn được gọi là gì?*  *+ Chuỗi thức ăn trong sơ đồ hình 4 và hình 5 có bao nhiêu mắt xích? Gồm những sinh vật nào?*  - GV nhận xét, tuyên dương và cùng HS rút ra kết luận: *Mối liên hệ thức ăn giữa các sinh vật hình thành chuỗi thức ăn.* *Mỗi sinh vật trong chuỗi thức ăn được gọi là một mắc xích.*  \*GV lưu ý cho HS: *Đối với sơ đồ này, chúng ta được học về chuỗi thức ăn bắt đầu bằng thực vật nhưng trong thực tế còn có những chuỗi thức ăn bắt đầu bằng các mùn, vụn hữu cơ. Các chuỗi thức ăn hiện tại cũng chưa đề cập đến sinh vật phân hủy (nấm, vi khuẩn).* | - 1 HS đọc yêu cầu.  - Chú ý quan sát và trả lời:  *+ Cây lúa là thức ăn của chuột.*  *+ Chuột là thức ăn của cú.*  *+ Lúa, con chuột, con cú có mối liên hệ thức ăn với nhau.*  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  - Chú ý lắng nghe.  - Chú ý quan sát và thực hiện yêu cầu.  - Một nhóm lên bảng chỉ và hỏi – đáp hình 5:  *+ Cỏ là thức ăn của thỏ.*  *+ Thỏ là thức ăn của cáo.*  *+ Cáo là thức ăn của đại bàng.*  *+ Cỏ, thỏ, cáo, đại bàng có mối liên hệ thức ăn với nhau.*  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  - Chú ý lắng nghe.  - Chú ý lắng nghe và trả lời:  + *Chuỗi thức ăn là một dãy gồm nhiều loài sinh vật và chúng có mối liên hệ về thức ăn với nhau.*  + *Sinh vật là thức ăn của sinh vật khác luôn đứng ở phía trước mũi tên.*  *+ Mỗi sinh vật trong chuỗi thức ăn được gọi là một mắc xích.*  *+ Chuỗi thức ăn trong sơ đồ hình 4 có 3 mắc xích, gồm có lúa, con chuột, con cú. Và hình 5 có 4 mắt xích. Gồm có cỏ, thỏ, cáo, đại bàng.*  - Chú ý lắng nghe, rút ra kết luận và nhắc lại. |
| **B. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**  **\* Mục tiêu:**  - Thể hiện (bằng sơ đồ chữ và mũi tên hoặc hình vẽ) được sơ đồ một chuỗi thức ăn cho trước.  - Nêu được ví dụ về chuỗi thức ăn và thể hiện được sơ đồ chuỗi thức ăn đó.  - Viết được chuỗi thức ăn với các sinh vật có ở môi trường xung quanh. | |
| **\* Cách tiến hành:**  **Hoạt động 4: Thực hành thể hiện sơ đồ chuỗi thức ăn**  **-** Mời 1 HS đọc yêu cầu trong SGK trang 91.  - GV yêu cầu yêu cầu HS quan sát hình 1, thảo luận nhóm đôi để hoàn thành sơ đồ chuỗi thức ăn dưới đây:    - Kết thúc thời gian thảo luận, GV mời 2 HS lên bảng viết chuỗi thức ăn.  - Mời các HS còn lại nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV đặt câu hỏi:  *+ Sơ đồ chuỗi thức ăn trên thể hiện điều gì?*  *+ Chuỗi thức ăn các em vừa vẽ có bao nhiêu mắt xích? Gồm những sinh vật nào?*  - GV nhận xét, tuyên dương và cùng HS rút ra kết luận: *Sơ đồ trên thể hiện mối liên hệ thức ăn giữa cây cà chua, con sâu, con chim trong tự nhiên. Gồm có 3 mắt xích: Cây cà chua, sâu, chim.*  **\*Hoạt động 5:** **Viết sơ đồ chuỗi thức ăn mô tả mối liên hệ thức ăn của các sinh vật.**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu trong SGK trang 93.  - GV yêu cầu HS quan sát hình 6 trong SGK và nêu tên các loài sinh vật có trong hình:    - GV chia lớp thành các nhóm 4, phát cho mỗi nhóm phiếu học tập và hướng dẫn các nhóm thực hiện:   |  | | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP**  **Nhóm: ……**  ***Yêu cầu:*** Viết sơ đồ chuỗi thức ăn có trong hình 6 và giới thiệu sơ đồ đó với các bạn.    ............................................................. |   - Yêu cầu HS tiến hành thảo luận để hoàn thành chuỗi thức ăn.  - GV gợi ý cho HS:  *+ Mắt xích thức ăn đầu tiên là sinh vật nào?*  *+ Con ếch ăn gì?*  *+ Con rắn ăn gì?*  - GV phân khu vực trình bày sơ đồ chuỗi thức ăn cho các nhóm.  - Kết thúc thời gian thảo luận, GV yêu cầu các nhóm dán bài làm lên bảng và giới thiệu sơ đồ đó.  - Yêu cầu các nhóm còn lại đối chiếu kết quả của nhóm mình và nhận xét kết quả của các nhóm trên bảng.  - GV nhận xét, tuyên dương và cùng HS rút ra chuỗi thức ăn đúng:  Là thức ăn của  Là thức ăn của  Cào cào  Ếch    Rắn  ***\*Mở rộng:*** “*H*ãy *kể tên chuỗi thức ăn có 3 hoặc 4 mắt xích mà em biết.”*  - GV nhận xét, tuyên dương HS.  **Hoạt động 6:** **Thực hành quan sát và lập chuỗi thức ăn ở môi trường nơi em sống.**  - Mời 1 HS đọc yêu cầu.  - GV chia lớp thành các nhóm 4 và phát cho HS phiếu học tập.   |  | | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP**  **Nhóm …** | | **a) Các loại sinh vật quan sát được:**  Lá cây hoa hồng    **b) Mối liên hệ thức ăn của các loài sinh vật:**  *+ VD: Lá cây hoa hồng là thức ăn của sâu.*  +  **c) Chuỗi thức ăn:**  1) ………→…….…→…...…→………  2) ………→…….…→…...…→……… |   - GV yêu cầu HS chuẩn bị vở, bút, phiếu học tập, mũ để chuẩn bị đi quan sát ngoài sân trường.  - GV phổ biến nhiệm vụ trong phiếu học tập  và yêu cầu HS thực hiện: *“Quan sát môi trường nơi em đang sống có những sinh vật nào để hoàn thành phiếu học tập.”*  - GV tổ chức cho HS đi quan sát ngoài sân trường.  - GV tổ chức cho HS chia sẻ sản phẩm phiếu học tập với các bạn trong lớp.  - GV cùng HS nhận xét và chỉnh sửa các lỗi chưa chính xác trong phần chia sẻ của các nhóm (nếu có).  - GV đặt câu hỏi:  *+ Trong tự nhiên có nhiều chuỗi thức ăn, phần lớn các chuỗi thức ăn bắt đầu bằng sinh vật nào?*  *+ Sinh vật đứng trước và sinh vật đứng sau có liên quan gì với nhau trong mối liên hệ về thức ăn?*  - GV nhận xét, tuyên dương và cùng HS rút ra kết luận: *Chuỗi thức ăn gồm các sinh vật được sắp xếp theo thứ tự:* *Sinh vật đứng trước là thức ăn của sinh vật đứng sau.*  ***\* Hoạt động tiếp nối:***  - GV yêu cầu HS về nhà quan sát môi trường sống xung quanh nơi ở và viết hai chuỗi thức ăn có từ 3 mắt xích trở lên bắt đầu bằng thực vật.  - Ôn lại bài cũ và chuẩn bị bài cho tiết sau. | - 1 HS đọc yêu cầu: *“Nêu tên sinh vật có ở hình 1 phù hợp với mỗi ô trong sơ đồ chuỗi thức ăn dưới đây.”*  - Cả lớp quan sát hình và thực hiện.  - 2 HS lên bảng viết chuỗi thức ăn:  Là thức ăn của  Là thức ăn của  Cây cà chua  Sâu  Chim  - HS nhận xét.  - Chú ý lắng nghe.  - Chú ý lắng nghe và trả lời:  + *Sơ đồ trên thể hiện mối liên hệ thức ăn giữa cây cà chua, con sâu, con chim trong tự nhiên.*  *+ Chuỗi thức ăn các em vừa vẽ có 3 mắt xích. Gồm: Cây cà chua, sâu, chim.*  - Chú ý lắng nghe.  - 1 HS đọc yêu cầu.  - Chú ý quan sát và trả lời: các loài sinh vật có trong hình là: con cào cào, con ếch, con rắn.  - Nhận phiếu học tập và chú ý lắng nghe.  - HS tiến hành thảo luận và hoàn thành phiếu học tập.  - Chú ý lắng nghe và trả lời:  + *Mắt xích thức ăn đầu tiên là cào cào.*  *+ Con ếch ăn cào cào.*  *+ Con rắn ăn con ếch.*  - Chú ý quan sát.  - HS thực hiện.  - HS đối chiếu kết quả của nhóm mình và nhận xét.  - Chú ý lắng nghe và rút ra kết kuận.  ***\*Mở rộng:***  *+ Muỗi là thức ăn của con thằn lằn, con thằn lằn là thức ăn của con mèo.*  *+ Cà rốt là thức ăn của con thỏ, con thỏ là thức ăn của con cáo, con cáo là thức ăn của con sư tử.*  *+ Cây rau là thức ăn của sâu, con sâu là thức ăn của con chim, con chim là thức ăn của con đại bàng.*  - Chú ý lắng nghe.  - 1 HS đọc yêu cầu: *“Quan sát các sinh vật ở môi trường xung quanh, viết chuỗi thức ăn với các sinh vật đó”.*  - Chú ý lắng nghe và nhận phiếu học tập.  - Chú ý lắng nghe và thực hiện.  - Chú ý lắng nghe.  - HS nghiêm túc và tích cực thực hiện quan sát, ghi chép, phân tích.  - HS chia sẻ.  - Chú ý lắng nghe và nhận xét.  - Chú ý lắng nghe và trả lời:  +*Trong tự nhiên có nhiều chuỗi thức ăn, phần lớn các chuỗi thức ăn bắt đầu bằng thực vật.*  *+ Sinh vật đứng trước là thức ăn của sinh vật đứng sau.*  - Chú ý lắng nghe, rút ra kết luận và nhắc lại.  - Chú ý lắng nghe và thực hiện.  - Chú ý lắng nghe và thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Thứ Tư ngày 17 tháng 4 năm 2024**

**Bài đọc 4: BỨC MẬT THƯ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học này, học sinh sẽ:

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

***1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ***

- Đọc đúng các tiếng, từ ngữ khó hoặc dễ ảnh hưởng do phương ngữ

- Đọc diễn cảm trôi chảy toàn bài thơ, biết ngắt nghỉ hơi giữa các dòng thơ, cụm từ,nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả, gợi cảm, đọc diễn toàn bộ bài thơ. Tốc độ đọc khoảng 90 tiếng / phút. Đọc thầm nhanh hơn nửa đầu học kì II

- Hai chú cháu tìm thấy một bức mật thư cũ của một nhà thám hiểm chỉ đường đến trung tâm trái đất và một cuộc hành trình khám phá bắt đầu. Hiểu ý nghĩa của bài đề cao sự ham thích tìm tòi, khám phá của các nhà thám hiểm.

***1.2. Phát triển năng lực văn học***

- Hiểu được cảm xúc ngạc nhiên vui mừng của hai chú cháu khi phát hiện ra bức mật thư và quyết định không bỏ qua cơ hội khám phá những điều mới mẻ về lòng đất.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: Độc lập suy nghĩ để trả lời đúng

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên lòng ham muốn khám phá thế giới.

**3. Góp phần phát triển các phẩm chất.**

- Yêu nước: Góp phần bồi dưỡng tinh thần yêu nước cho HS. Có ý thức bảo vệ môi trường

- Trách nhiệm: Biết chịu trách nhiệm với công việc của mình.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

– GV chuẩn bị: Bài giảng powerpoint, phiếu học tập, video bài hát Cái cây xanh xanh, tranh vẽ các hình ảnh về các bước trồng cây.

– HS chuẩn bị: SGK, thẻ cờ, Video, hình ảnh trồng cây của mình.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức TC: “Hái hoa”  - Hình thức chơi: HS chọn bông hoa mình thích trên trò chơi để đọc 1 đoạn và trả lời 1 trong 5 câu hỏi *Bài đọc 3: Ngọn đuốc trong đêm*  - GV nhận xét giọng đọc và câu trả lời của và dẫn dắt vào bài mới.  - Chúng ta đã biết khám phá thế giới là tìm hiểu trải nghiệm những điều chưa biết về thế giới xung quanh. Nhu cầu về khám phá ở mỗi người là khác nhau. Có những người chỉ cần có cơ hội là họ sẵn sàng tham gia ngay vào cuộc khám phá nào đó. Người chú trong bài đọc bức mật thư là một trong những người như vậy. Người chú đó là ai, muốn khám phá thế giới quan mãnh liệt như thế nào, mời các em cùng đọc bài để có câu trả lời. | - HS tham gia chơi trò chơi.  - Nhận xét, khen bạn thắng cuộc.  - Học sinh lắng nghe, nhắc lại mục bài. |
| **2. Hình thành kiến thức**  **-** Mục tiêu  + Đọc đúng các tiếng, từ ngữ khó hoặc dễ ảnh hưởng do phương ngữ  + Đọc trôi chảy toàn bài thơ, biết ngắt nghỉ hơi giữa các dòng thơ, cụm từ,nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả, gợi cảm. Tốc độ đọc khoảng 90 tiếng / phút. Đọc thầm nhanh hơn nửa đầu học kì II  **-** Cách tiến hành: | |
| \* **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng**  - GV đọc mẫu toàn bài: đọc bức mật thư giọng đọc nhẹ nhàng tình cảm nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả gợi cảm chuối thay đổi giọng của các nhân vật- HD chung cách đọc toàn bài.  - GV chia đoạn: 4 đoạn  - GV gọi HS đọc nối tiếp theo đoạn kết hợp luyện đọc từ khó.  *-* Luyện đọc theo đoạn: GV tổ chức cho HS luyện đọc nối tiếp đoạn theo nhóm 4.  - GV nhận xét các nhóm.  - Yêu cầu HS đọc và giải nghĩa từ ngữ ở phần chú giải trong SGK ( *loang lổ, háo hức)*  - 1 HS năng khiếu đọc toàn bài.  **\* Hoạt động 2: Đọc hiểu**  - GV gọi HS đọc nối tiếp lần lượt 4 câu hỏi trong SGK.  *-*GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài.  \*GV theo dõi, hỗ trợ HS gặp khó khăn và lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.  - GV cho HS trả lời các câu hỏi bằng bình thức trò chơi phỏng vấn:  + câu 1: Chuyện gì xảy ra khi người chú nói với cháu lại quyển sách cổ ?  + câu 2: Người cháu vô tình phát hiện ra cách đọc mật thư như thế nào?  + Câu 3: Vì sao lúc đầu người cháu không định nói với chú về phát hiện của mình?  + Câu 4: Vì sao người chú tin vào bưc mật thư và quyết định thực hiện ngay cuộc thám hiểm?  - GV hỏi thêm: *Qua bài thơ, em hiểu nội dung câu chuyện nói về điều gì?*  - GV nhận xét, gọi 2 – 3 HS nhắc lại nội dung bài | - HS lắng nghe kết hợp theo dõi trong SGK.  - HS lắng nghe cách đọc.  - Theo dõi  - HS đọc nối tiếp theo đoạn kết hợp phát hiện và luyện đọc từ khó (Chẳng hạn: *lệnh, truyền ngôi, kinh thành, sững sờ, …*)  - HS luyện đọc theo nhóm 4 (CN – N).  - 2 nhóm thi đọc trước lớp. Cả lớp theo dõi, nhận xét bạn đọc.  - Hỏi đáp phần chú giải trong SGK theo cặp đôi. Phát hiện và giải nghĩa thêm 1 số từ khác (nếu có).  - Lớp theo dõi, đọc thầm.  - 4 HS đọc tiếp nối 4 câu hỏi; các HS khác lắng nghe, đọc thầm theo.  - Theo dõi  + Có một miếng da thuộc từ trong quyển sách rơi xuống trong đó có những dòng chữ kỳ lạ  + Trong lúc vô tình dùng tờ giấy chép lại mật thư làm hòa và hướng dẫn và hướng mặt trái về phía mình anh phát hiện ra cần đọc ngược đọc từ dưới lên  + Vì anh biết chú mình sẽ gặp tức lao vào cuộc thám hiểm và có thể kéo anh tham gia  + Vì ông biết Xa- cnu-xem, tác giả bức mặt Thư là một nhà thám hiểm nổi tiếng và ông luôn sẵn sàng thực hiện các cuộc thám hiểm.  Nội dung:Bài đọc nói về việc hai chú cháu một nhà thám hiểm phát hiện được một bức mật thư và đã bắt đầu cuộc hành trình khám phá trung tâm trái đất theo chỉ dẫn của bức mật thư . Câu chuyện đề cao sự ham thích học hỏi tìm tòi, khám phá của các nhà thám hiểm   * 2 ,3 HS nhắc lại nội dung bài. |
| **3. Luyện tập (Đọc nâng cao)**  - Mục tiêu:  Chú ý cách nghỉ hơi ở những câu dài nhấn mạnh các từ ngữ quan trọng  ví dụ  + Ông **say sưa** nói /về **một quyển sách cổ** /vừa tìm được trong tiệm sách cũ .  + Chú tôi mà **biết điều bí mật** này /ông sẽ **sẵn sàng** mạo hiểm /và **kéo tôi** theo .  + Đi vào lòng **Trái đất** ư? / Nhưng tôi biết/ một người **say mê nghiên cứu** /như chú tôi/ sẽ **không bỏ qua** một cuộc **mạo hiểm** như vậy. | |
| - Tổ chức cho HS luyện đọc theo nhóm bàn.  - Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm trước lớp.  - GV nhận xét HS đọc bài, tuyên dương, khích lệ HS. | - HS luyện đọc đọc theo nhóm bàn.  - Thi đọc diễn cảm trước lớp.  - Nhận xét bạn đọc và bình chọn bạn đọc tốt nhất. |
| **4. Vận dụng** | |
| - Nhận xét tiết học, dặn dò bài về nhà. | - Lắng nghe, rút kinh nghiệm để thực hiện. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy**  .................................................................................................................................. | |

**Bài 85: LUYỆN TẬP ( 2 TIẾT)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

*Sau khi học xong bài này học sinh đạt các yêu cầu sau:*

***1. Năng lực đặc thù:***

- Ôn tập, củng cố kĩ năng nhân, chia hai phân số.

- Biết chia phân số cho số tự nhiên và chia số tự nhiên cho phân số.

- Giải được các bài toán có lời văn liên quan đến phép nhân, phép chia phân số.

***2. Năng lực chung.***

- *Tự chủ và tự học*: Học sinh tích cực, chủ động suy nghĩ để giải các bài tập.

- *Giao tiếp và hợp tác*: Trao đổi, thảo luận với bạn bè về các cách giải các bài toán về nhân, chia phân số qua các bài tập và tình huống thực tế.

- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Đề xuất được các cách giải đối với bài toán về nhân, chia phân số trong thực tế cuộc sống.

***3. Phẩm chất.***

*- Phẩm chất nhân ái:* Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

*- Phẩm chất chăm chỉ:* Có tinh thần chăm chỉ học tập, tự giác suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

*- Phẩm chất trách nhiệm:* Biết lắng nghe, có thái độ học tập nghiêm túc, hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

**II. Đồ dùng dạy học**

- Giáo viên: Phiếu học tập, hình vẽ SGK. Câu hỏi cho phần trò chơi

**- Học sinh**: SHS, vbt, các đồ dùng học tập cần thiết.

**III. Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** |
| **A. Hoạt động mở đầu**  *\* Mục tiêu:*  - Cho học sinh ổn định tổ chức đầu giờ, tạo tâm thế vui tươi, phấn khởi và kết nối với bài học. Ôn lại cách nhân, chia phân số.  *\* Cách thực hiện:* | |
| - Trò chơi: Ô cửa bí mật  - GV nêu luật chơi: Các em lần lượt chọn các ô cửa, trong mỗi ô cửa là 1 thử thách, để mở được ô cửa các em phải trả lời đúng câu hỏi.  - Em hãy nêu cách nhân hai phân số  - Muốn chia hai phân số ta làm như thế nào?  -GV kết luận- tuyên dương HS  -GV: Bài học hôm nay các em sẽ được luyện tập, củng cố kĩ năng nhân, chia hai phân số. | - HS lắng nghe giáo viên phổ biến luật chơi.  - HS chọn các ô cửa và trả lời câu hỏi  -HS lắng nghe và ghi bài |
| **B. Hoạt động luyện tập, thực hành**  **\* Mục tiêu:**  - Luyện tập, củng cố kĩ năng nhân, chia hai phân số.  - Vận dụng được cách nhân, chia hai phân số để giải các bài toán liên quan đến nhân, chia hai phân số vào thực tế cuộc sống.  *\* Cách thực hiện:* | |
| **Bài 1: Tính**  - GV gọi HS nêu yêu cầu của bài tập.  - GV cho học sinh làm bài vào phiếu học tập  - GV gọi HS trình bày bài làm của mình  - Cho HS nhận xét bài làm của bạn  - GV chốt đáp án và nhận xét.  - GV tổng kết: Qua bài này chúng ta đã ôn tập, củng cố các kĩ năng về tìm phân số của một số.  **Bài 2: Tính**  **-**  Gọi HS nêu yêu cầu của bài.  - Yêu cầu HS hoàn thành bài tập.  - GV yêu cầu đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp cách làm của mình  - GV gọi các nhóm nhận xét và chữa bài.  - GV nhận xét các nhóm  **Bài 3:**  - Gọi HS nêu yêu cầu của bài.  -GV cho học sinh quan sát và phân tích mẫu  - GV cho học sinh nêu cách chia phân số cho số tự nhiên  - GV cho học sinh nêu cách chia số tự nhiên cho phân số.  + Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?  - Yêu cầu HS dựa vào hướng dẫn và hoàn thành bài tập.  - GV yêu cầu đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp cách làm của mình  - GV gọi các nhóm nhận xét và chữa bài.  - GV nhận xét chung  **Bài 4:**  - Gọi HS nêu yêu cầu của bài.  - GV cho học sinh thực hiện tính giá trị của biểu thức theo thứ tự từ trái qua phải  - GV yêu cầu HS làm vào vở và chia sẻ trước lớp cách làm của mình  - GV gọi HS nhận xét và chữa bài.  **Bài 5:**  - Gọi HS nêu yêu cầu của bài.  - GV yêu cầu HS làm vào vở và chia sẻ trước lớp cách làm của mình  - GV gọi HS nhận xét và chữa bài.  Bài 6:  - Gọi HS nêu yêu cầu của bài.  - GV yêu cầu HS làm vào vở và chia sẻ trước lớp cách làm của mình  - GV gọi HS nhận xét và chữa bài. | - HS nêu yêu cầu của bài tập.  - HS làm bài trên phiếu học tập  - HS chia sẻ bài với bạn- Chia sẻ trước lớp - Lớp nhận xét.      - HS làm vào vở, HS trình bày bài làm của mình- Cả lớp nhận xét    -HS đọc yêu cầu của bài  -HS quan sát và phân tích mẫu  - HS nêu: Khi chia một phân số cho số tự nhiên, ta có thể chia tử số cho tích của số tự nhiên ấy với tử số  Khi chia một số tự nhiên cho một phân số, ta có thể nhân số tự nhiên ấy với mẫu số rồi chia cho tử số.  - HS vận dụng làm bài vào vở  - HS trình bày bài làm-Cả lớp nhận xét  .  -HS đọc yêu cầu của bài  - HS thực hiện tính theo thứ tự từ trái sang phải  - HS trình bày bài làm và nêu thứ tự các bước tính  - Cả lớp nhận xét, bổ sung  ***Bài giải***  Tuấn Anh cắt được số đoạn dây là:  9 : = 6 ( đoạn)  Đáp số: 6 đoạn  - HS chú ý nghe, chữa bài vào vở.  .  Bài giải  Số trẻ em trong phòng chiếu phim đó là:  60 x = 36 ( người)  Số người lớn trong rạp chiếu phim đó là  60 – 36 = 24 ( người)  Đáp số: 24 người |
| **D. Hoạt động vận dụng** | |
| \* *Mục tiêu*:  - HS có thể chơi trò chơi “*Ai nhanh hơn*” vận dụng các kiến thức đã học về phép chia số tự nhiên cho phân số để giải các bài toán liên quan trong thực tế cuộc sống.  *\* Cách thực hiện:* | |
| **Bài 4: Trò chơi**  - GV nêu bài toán  - HS đọc yêu cầu của bài toán và ghi đáp án ra bảng con, bạn nào có kết quả đúng và nhanh hơn sẽ là người thắng cuộc.  ***\* Củng cố, dặn dò***.  - Qua bài học hôm nay em biết thêm được điều gì?  - Em hãy tìm trong thực tế các tình huống vận dụng phép nhân, chia phân số | - HS đọc yêu cầu của bài tập.  - HS chơi trò chơi.  ***Bài giải***  Thời gian để chị Linh đọc hết quyển sách đó là:  3 : = 6 ( ngày)  Đáp số: 6 ngày  -HS trả lời: Học được cách hân, chia hai phân số, chia số tự nhiên cho phân số và ngược lại |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY** *(Nếu có)*:

....................................................................................................................................................................

**CHỦ ĐỀ 8: QUAN HỆ BẠN BÈ**

**ỨNG XỬ TRONG QUAN HỆ BẠN BÈ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Học sinh hiểu được vai trò, ý nghĩa của tình bạn trong cuộc sống hằng ngày ở trường, ở cộng đồng.

- Rèn luyện và phát triển kĩ năng thiết lập mối quan hệ thân thiện với bạn bè.

- Vận dụng vào thực tiễn: Biết làm những việc làm phù hợp để giúp đỡ bạn bè, xây dựng và phát triển tốt tình đoàn kết, hợp tác, chia sẻ trong tập thể.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự đề xuất những cách giải quyết tình huống phù hợp với hoàn cảnh.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thông qua việc giải quyết tình hướng để có những việc làm phù hợp để thiết lập mới quan hệ thân thiện với bạn bè.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, hợp tác nhóm trong hoạt động.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Tôn trọng, thân thiện với bạn bè trong tham gia hợp tác nhóm.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ để thực hiện tốt nhiệm vụ học tập theo yêu cầu của thầy cô giáo.

- Phẩm chất trung thực: Trung thực khi tham gia tất cả các hoạt động.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức nghiêm túc trong làm việc nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ trong bài học.

**II. ĐỒ DÙNG , PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:**Sau khi tham gia hoạt động, HS có khả năng  - Tạo tâm thế cho HS, giúp đỡ HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú với bài học mới.  **b. Cách tiến hành**  - GV tổ chức cho HS xem video tình huống về tình bạn  [Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn( Bài 1 - Khoá 5) - YouTube](https://www.youtube.com/watch?v=YtS3E5azVN0)  - GV mời 2 – 3 HS chia sẻ suy nghĩ về cách ứng xử của 3 bạn Bờm, Tí và Nhím.  - GV nhận xét, khuyến khích HS đã tích cực tham gia chia sẻ.  - GV tổng kết và dẫn dắt vào bài học: *Hoạt động đã mở đầu cho học mới của chúng ta. Chúng ta cùng đi vào bài học hôm nay nhé –****Tuần 31 – Tiết 2: Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Ứng xử trong quan hệ bạn bè.***  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Nhận diện vấn đề thường xuyên xảy ra trong quan hệ bạn bè**  **a. Mục tiêu:** Sau khi tham gia hoạt động, HS có khả năng  -  Nhận diện được những vấn đề thường xuyên xảy ra trong quan hệ bạn bè.  **b. Cách tiến hành:**  - GV tổ chức cho HS quan sát tranh trong SGK trang 88, 89 và thảo luận theo cặp đôi về những vấn đề thường xảy ra trong quan hệ bạn bè được thể hiện qua mỗi bức tranh:      - GV mời một số cặp đôi chia sẻ kết quả thảo luận trước lớp. Các HS khác theo dõi, bổ sung, đóng góp ý kiến.  - GV tổ chức cho HS chia sẻ về một tình huống trong quan hệ với bạn bè đã từng khiến mình buồn và suy nghĩ nhiều.  - GV đưa ra các câu hỏi gợi ý sau:  + Tình huống đó xảy ra ở đâu? Liên quan đến vấn đề gì?  + Khi đó, em và bạn đã ứng xử như thế nào? (Ví dụ: cũng thắng, to tiếng,...)  + Em có suy nghĩ và cảm xúc gì khi ở trong tình huống đó?  + Nếu được làm lại, em sẽ xử lí như thế nào trong tình huống đó?  - GV tổng kết hoạt động và đưa ra kết luận: ***Trong cuộc sống hằng ngày luôn có những mối bất hòa nảy sinh giữa em với các bạn. Điều quan trọng là em hãy bình tĩnh suy nghĩ để tìm cách giải quyết mối bắt hoa đó, không để ảnh hưởng đến tình bạn.***  **Hoạt động 2: Xây dựng Quy tắc ứng xử trong quan hệ bạn bè**  **a. Mục tiêu:** Sau khi tham gia hoạt động, HS có khả năng  - Biết cách xây dựng và thực hiện được Quy tắc ứng xử trong quan hệ bạn bè.  **b. Cách tiến hành:**  - GV chia lớp thành các nhóm.  - GV nêu yêu cầu hoạt động: HS thảo luận nhóm để xây dựng Quy tắc ứng xử trong quan hệ bạn bè theo gợi ý:  + Xác định các vấn đề thường xảy ra trong quan hệ với bạn bè  + Đề xuất cách ứng xử chung cho mỗi vấn đề đó; Thống nhất ý tưởng trình bày quy tắc ứng xử.  + Trình bày các cách ứng xử theo ý tưởng của nhóm mình.  + Trang trí cho bản quy tắc thật sinh động.  - GV tổ chức cho các nhóm cùng thảo luận để xây dựng Quy tắc ứng xử trong quan hệ bạn bè.  - GV tổ chức cho HS giới thiệu quy tắc của nhóm minh trước lớp. Các nhóm khác theo dõi, nhận xét về bản quy tắc của nhóm bạn.   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **QUY TẮC ỨNG XỬ TRONG QUAN HỆ BẠN BÈ**   |  |  | | --- | --- | | **Nên** | **Không nên** | | - Tôn trọng sự riêng tư của bạn.  - Sẵn sàng giúp đỡ bạn khi bạn gặp khó khăn.  - ... | - Đánh bạn  - Nói xấu sau lưng bạn  - ... | |   - GV hướng dẫn HS sử dụng quy tắc để áp dụng trong một tình huống nảy sinh với bạn mà em đã gặp và chia sẻ theo các gợi ý:  + Em đã áp dụng những quy tắc nào?  + Việc áp dụng quy tắc có khác với cách em đã xử lí khi đó không?  + Áp dụng quy tắc ứng xử trong quan hệ bạn bè mang lại điều gì cho em và các bạn?  - GV mời một số HS chia sẻ trước lớp.  - GV tổng kết hoạt động và đưa ra kết luận:***Để duy trì và phát triển quan hệ với bạn bè, chúng ta cần ghi nhớ thực hiện những quy tắc ứng xử như: tôn trọng sự riêng tư của bạn; sẵn sàng giúp đỡ khi bạn gặp khó khăn; lắng nghe tích cực; đóng góp ý kiến tích cực; chấp nhận ý kiến và quan điểm khác của bạn; thân thiện, hoà đồng với bạn...*** | | .   HS xem video.        - HS chia sẻ.    - HS lắng nghe và tiếp thu.    - HS lắng nghe GV giới thiệu bài học.                - HS quan sát tranh và thảo luận.                    - HS chia sẻ.      - HS chia sẻ.      - HS lắng nghe, tham khảo.            - HS lắng nghe, tiếp thu.                      - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.            - HS thảo luận.    - HS giới thiệu.            - HS lắng nghe, thực hiện.        - HS chia sẻ.  - HS lắng nghe, tiếp thu            - |
| **ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | | |

**Thứ năm ngày 18 tháng 4 năm 2024**

**MỞ RỘNG VỐN TỪ : DU LỊCH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học này, học sinh sẽ:

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

***1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ***

- Mở rộng vốn từ về du lịch, sử dụng được các từ ngữ trong đó viết đoạn văn.

***1.2. Phát triển năng lực văn học***

- Viết được đoạn văn kể được hoạt động trong buổi tham quan du lịch. Bước đầu biết lựa chọn từ ngữ để thể hiện nội dung biểu đạt một cách hình ảnh giàu cảm xúc.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết chủ đông suy nghĩ để đưa ra câu trả lời theo quan điểm cá nhân.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết nhận xét, trao đổi ý kiến với các bạn, tự tin trong giao tiếp

**3. Góp phần phát triển các phẩm chất**

- Yêu nước: Bồi dưỡng tình yêu, cảnh đẹp non sông đ6t1 nước

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

– GV chuẩn bị: slide bài giảng, phiếu bài tập, video bài hát...

– HS chuẩn bị: SGV, SBT, ...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức cho HS hát và múa khởi động  - Gv giới thiệu bài mới: Trong gần hai tuần qua các em đã được đọc nghe nhiều câu chuyện bài thơ về khám phá thế giới. Du lịch cũng là một hình thức để con người chúng ta khám phá thế giới xung quanh mình. Bài học hôm nay các em sẽ được mở rộng vốn từ vốn hiểu biết về du lịch và cách sử dụng các từ ngữ về du lịch. | - HS hát.  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập, thực hành** | |
| **Hoạt động 1Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi**  **Bài tập 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu bài, cả lớp đọc thầm.  - GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm đôi vào phiếu bài tập  - GV gọi 3 đến 4 nhóm trình bày kết quả  - GV gọi HS nhận xét  - GV nhận xét, tuyên dương  **Hoạt động 2: Viết đoạn văn kể lại hoạt động của em trong một buổi tham quan hoặc du lịch cùng lớp em hoặc gia đình em**  **BT2:**  - Gọi HS đọc yêu cầu bài, cả lớp đọc thầm.  - GV gọi HS nhận xét  - GV nhận xét, tuyên dương  - Gọi HS đọc yêu cầu bài, cả lớp đọc thầm.  - GV gợi ý cho HS nhớ lại những câu chuyện đã được nghe, được học về một anh hùng nhỏ tuổi trong lịch sử hay trong văn học:  - GV tổ chức cho HS cá nhân vào vở bài tập  - GV gọi 3 đến 4 HS trình bày kết quả  - GV gọi HS nhận xét  - GV nhận xét, tuyên dương | - 1 HS đọc  - HS làm việc theo nhóm đôi vào phiếu học tập  - Đại diện nhóm trình bày kết quả  + Các từ ngữ về du lịch(tên hoạt động, khách du lịch, phương tiện đi lại, địa điểm du lịch, hoạt động ở các điểm du lịch,…) trong đoạn vă: du lịch khám phá, du khách, xe buýt, nông trại, tham quan, trồng cây, tưới cây, cưỡi ngựa, bắt cá, cho con vật ăn.  + Các từ ngữ về du lịch (tên hoạt động, khách du lịch, phương tiện đi lại, địa phương, địa điểm du lịch, hoạt động ở các điểm du lịch,..) ngoài đoạn văn: du lịch văn hóa, du lịch thể thao, du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch mạo hiểm, khách du lịch, khách tham quan, danh lam thắng cảnh, đền chùa, rừng cây, vườn cây, sông nước, chợ nổi, xe lửa,xe điện, máy bay,,câu cá, cắm trại….  - HS đọc yêu cầu đề bài và làm vào vở.  - HS làm bài  - HS trình bày đoạn văn. VD :  Cuối tuần vừa qua, em cùng các bạn trong lớp đi dã ngoại ở Công viên RIO. Ở đó em cùng các bạn cắm trại, câu cá, chơi các trò chơi vận động. Ngoài ra, em còn được thưởng thức những loại trái cây ngon tuyệt ngay tại vườn. Buổi tham quan, dã ngoại diễn ra rất vui. Tất cả các bạn đều hào hứng và mong cho những buổi dã ngoại tiếp theo.  - HS nhận xét  - HS lắng nghe |
| **3. Vận dụng** | |
| **-** GV yêu cầu HS nêu những tấm gương tuổi nhỏ chí lớn trong cuộc sống mà mình biết.  - Nhận xét tiết học, dặn dò HS chuẩn bị đồ dùng học tập ( bút chì, bút màu, giấy màu, kéo, hồ dán để vẽ tiếp sức cho tiết góc sáng tạo vào buổi sau. | - HS lắng nghe, thực hiện  .  - HS lắng nghe |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy**  .................................................................................................................................. | |

**Bài 86: LUYỆN TẬP CHUNG (2 tiết)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Ôn tập, củng cố kĩ năng thực hiện các phép tính với phân số

- Thực hành giải quyết các vấn đề liên quan đến các phép tính với phân số

- Giải được các bài toán liên quan đến các phép tính với phân số và các tình huống thực tế liên quan đến các phép tính với phân số.

***2. Năng lực chung:***

*- Tự chủ và tự học:* Học sinh tích cực, chủ động suy nghĩ để giải các bài tập.

*- Giao tiếp và hợp tác:* Trao đổi, thảo luận với bạn bè về các cách giải toán liên quan đến các phép tính với phân số và tình huống thực tế

*- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Đề xuất được cách giải đối với bài toán liên quan đến các phép tính với phân số trong thực tế cuộc sống.

***3. Phẩm chất:***

- Chăm chỉ: Tích cực học tập và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

- Nhân ái: Biết giúp đỡ bạn khi bạn gặp khó khăn trong học tập.

**II. Đồ dùng dạy học:**

GV: 3 bảng nhóm, phiếu học tập , hộp quà có chứa sẵn các câu hỏi

HS: Bảng con

**III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** |
| ***1. Hoạt động mở đầu: Trò chơi “Hộp quà kì diệu”***:  *\* Mục tiêu:* Củng cố các kiến thức về các phép tính với phân số. Tạo không khí vui vẻ, hào hứng cho tiết học.  *\* Cách tiến hành:* | |
| - GV phổ biến luật chơi: Học sinh truyền tay nhau hộp quà và hát, kết thúc câu hát, hộp quà vào bạn nào thì bạn đó sẽ chọn 1 phiếu có ghi câu hỏi trong đó, nếu trả lời đúng bạn đó sẽ nhận được 1 món quà nhỏ. nêu bài toán:  - GV theo dõi và nhận xét  -GV chốt KT và giới thiệu bài | - HS lắng nghe GV phổ biến luật chơi  - HS cùng hát và truyền tay nhau hộp quà  -HS trả lời câu hỏi  - Muốn cộng 2 phân số cùng mẫu ta làm như thế nào?  -Muốn nhân hai phân số ta làm thế nào?  - Hãy nêu cách trừ hai phân số |
| ***2. Hoạt động luyện tập thực hành***  *\* Mục tiêu:* Vận dụng cách thực hiện cộng, trừ, nhân, chia phân số để giải quyết các bài tập liên quan đến các phép tính với phân số. | |
| Bài 1: GV cho học sinh đọc yêu cầu của bài tập  -GV cho Hs nêu cách cộng, trừ hai phân số  -Cho HS làm bài vào nháp- Gọi HS trình bày bài trước lớp  -GV chốt KT  Bài 2:  - Gv gọi HS đọc yêu cầu bài toán  - Gọi HS nêu lại cách nhân, chia hai phân số.  - Yêu cầu HS tự làm bài rồi chữa bài.  - GV nhận xét, chốt lại KQ đúng.  .  Bài 3:  - GV gọi HS đọc yêu cầu BT.  - Gv cho học sinh nhăc lại thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức  - GV cho HS làm nháp và chữa bài    Bài 4:  - GV cho HS đọc bài toán  - Cho HS làm bài vào vở và chia sẻ bài làm với bạn  -Gọi HS chữa bài và nhận xét, nêu cách làm khác  - Trao đổi với bạn.  - Chia sẻ trước lớp.  - Nhận xét câu trả lời của bạn.  Bài tập 5:  HD học sinh làm tương tự BT4  -GV nhận xét và chốt lời giải đúng  Bài 6: GV cho HS đọc yêu cầu của bài toán  - GV cho HS làm vào vở  Gọi HS trình bày bài làm  - GV cho HS nêu cách làm khác  - GV chốt kết quả đúng  - Gọi HS nêu lại cách nhân số tự nhiên với phân số  Bài 7:  GV cho HS đọc yêu cầu và suy nghĩ cách giải của bài toán, rồi trình bày bài giải và trình bày trước lớp | - HS đọc yêu cầu bài toán  -HS thực hiện tính ra nháp  -HS trình bày bài làm của mình  -Cả lớp nhận xét  - HS đọc yêu cầu BT.  - Trao đổi với bạn.- 4 HS lên bảng chữa bài.  - Nhận xét câu trả lời của bạn  HS đọc yêu cầu BT.  Học sinh nhắc lại thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức  - GV cho HS làm nháp và chữa bài  -HS đọc bài toán, tìm lời giải  - HS làm bài vào vở- chữa bài  **Bài giải**  Số phô mai mẹ đã lấy để làm bánh và chiên khoai tây là:  + = ( thanh phô mai)  Số phần thanh phô mai còn lại là:   1. = ( thanh phô mai)   Đáp số**:**  ( thanh phô mai)  - HS đọc yêu cầu BT.  - HS cả lớp tự làm bài vào vở, đổi vở  - 1 HS làm bài trên bảng nhóm.  Bài giải  Trọng lượng nước cơ thể của một người 65 ki lô- gam là:  65 x = 39 ( kg)  Đáp số: 39 ( kg)  - HS treo bảng nhóm, lớp nhận xét, chữa bài.  - HS đọc yêu cầu bài toán và tìm cách giải bài toán  - HS trình bày bài vào vở- 1 HS trình bày bài trước lớp  - Cả lớp nhận xét và nêu cách giải khác  Bài giải  Tuần đầu tiên người đó xử lí được số báo cáo là:  120 x = 30( báo cáo**)**  Tuần thứ hai người đó xử lí được số báo cáo là:  120 x = 60 ( báo cáo)  Sau hai tuần người đó xử lí được số báo cáo là:  30 + 60 = 90 ( báo cáo)  Sau hai tuần người đó còn phải xử lí số báo cáo là:  120 – 90= 30 ( báo cáo)  Đáp số: 30 báo cáo  HS đọc yêu cầu và suy nghĩ cách giải của bài toán, rồi trình bày bài giải và trình bày trước lớp  Bài giải  Số lượt khách tham quan tuần này là  489 x = 326 ( khách)  Đáp số: 326 ( khách) |
| ***3. Hoạt động vận dụng***  *\* Mục tiêu:* Vận dụng các kiến thức về các phép tính với phân số để giải quyết các tình huống thực tế liên quan đến các phép tính với phân số  *\* Cách tiến hành:* | |
| Bài 8: GV cho HS đọc đầu bài và tìm đáp án cho bài toán  -GV quan sát, nhận xét, chốt lời giải đúng  **\* Củng cố-dặn dò:**  H: Qua bài học hôm nay em biết thêm điều gì?  H: Để có thể làm tốt các bài tập trên, em nhắn bạn điều gì?  - Dặn HS về nhà tự tìm thêm các tình huống thực tế liên quan đến bài toán giải bằng các phép tính với phân số và thực hiện. | - 1 HS đọc yêu cầu, lớp đọc thầm và tìm lời giải cho bài toán  Bài giải  Mẹ mua một số thực phẩm khác hết số tiền là:  350000 x = 140000 ( đồng)  Số tiền mẹ mua hoa quả và một số thực phẩm khác là:  350000 + 140000= 490000 ( đồng)  Số tiền mẹ được trả lại là:  500000- 490000= 10000 ( đồng)  Đáp số:  a, 490000 ( đồng)  b, 10000 ( đồng)  -Trả lời: Nhân viên bán hàng không trả lại nhầm tiền  -Cách thực hiện các phép tính với phân số  - Nắm chắc cách cộng, trừ, nhân, chia phân số  - Lắng nghe, ghi nhớ và thực hiện  - Lắng nghe để thực hiện |

Điều chỉnh sau tiết dạy: .................................................................................................

**Bài 19: DÂN CƯ, HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ MỘT SỐ NÉT VĂN HÓA Ở VÙNG NAM BỘ**

**(Tiết 3)**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
   1. **Năng lực đặc thù**

- Kể được tên một số dân tộc ở vùng Nam Bộ

- Xác định được trên bản đồ và lược đồ vùng Nam Bộ sự phân bố một số ngành công nghiệp, cây trồng, vật nuôi.

- Trình bày được một số hoạt động sản xuất của người dân ở vùng Nam Bộ.

- Mô tả được sự chung sống hài hòa với thiên nhiên của người dân thông qua một số nét văn hóa tiêu biểu.

- Nêu được truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Nam Bộ, có sử dụng một số tư liệu tranh ảnh, câu chuyện lịch sử về một số nhân vật tiêu biểu của Nam Bộ.

* 1. **Năng lực chung**
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Làm việc nhóm, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.
  1. **Phẩm chất**
* Trách nhiệm: Có ý thức trân trọng, tiết kiệm các sản phẩm của tự nhiên và do con người tạo ra.
* Chăm chỉ: Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập và luôn tự giác tìm hiểu, khám phá tri thức liên quan đến nội dung bài học.
* Yêu nước: Thể hiện được niềm tự hào về truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Nam Bộ.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bản đồ hoặc lược đồ phân bố một số ngành công nghiệp, cây trồng, vật nuôi vùng Nam Bộ.

- Tranh ảnh về công nghiệp, nông nghiệp, chợ nổi trên song ở vùng Nam Bộ.

- Tranh ảnh, tư liệu, video clip về các nhân vật lịch sử Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Thị Định.

- Máy tính, máy chiếu.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** | |
| **1. Khởi động:**  **\*Mục tiêu:**  - Kết nối được kiến thức đã biết với kiến thức trong bài mới.  - Tạo hứng thú cho HS tiếp nhận bài học mới. | |
| **\* Cách tiến hành**  **- “**Nam Bộ là nơi có nền văn hóa mang đậm dấu ấn của vùng sông nước. Đây là vựa lúa, vựa trái cây và thủy sản lớn nhất cả nước. Người dân nơi đây giàu truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng”.  **-**Y/c HS kể tên một số sản phẩm nông nghiệp có nhiều ở vùng Nam Bộ  - GV: “Tại sao nơi đây lại nổi tiếng về các sản phẩm này? Chúng ta cùng đến với bài học ngày hôm nay”. – Bài 19: Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa ở vùng Nam Bộ. | - HS chú ý lắng nghe quan sát.  - Lúa, cây ăn quả,… |

|  |  |
| --- | --- |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** | |
| **2.1.Dân cư**  **\* Hoạt động 1: Tìm hiểu về dân cư ở vùng Nam Bộ**  **\*Mục tiêu:**  - Kể được tên một số dân tộc ở vùng Nam Bộ. | |
| * **Cách tiến hành:**   - GV y/c HS cả lớp làm việc theo cặp, đọc SGK tr.99 và trả lời câu hỏi:  + Kể tên một số dân tộc sinh sống ở vùng Nam Bộ.  + Nêu đặc điểm phân bố dân cư của vùng Nam Bộ.  - GV mời đại diện một số nhóm trình bày kết quả thảo luận  - GV mời các nhóm khác nhận xét, nêu ý kiến bổ sung.  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận:  + Một số dân tộc sinh sống ở vùng Nam Bộ là: Kinh, Khơ-me, Chăm, Hoa,…  + Đặc điểm phân bố dân cư  Vùng Nam Bộ có số dân nhiều nhất so với các vùng khác của nước ta.  Trong vùng, dân cư phân bố không đều, tập trung ở các đô thị và dải đất phù sa ven sông Tiền, sông Hậu. | -HS làm việc nhóm  -Đại diện 3-4 nhóm trình bày, HS cả lớp lắng nghe.  + Một số dân tộc sinh sống ở vùng Nam Bộ là: Kinh, Khơ-me, Chăm, Hoa,…  + Đặc điểm phân bố dân cư  Vùng Nam Bộ có số dân nhiều nhất so với các vùng khác của nước ta.  Trong vùng, dân cư phân bố không đều, tập trung ở các đô thị và dải đất phù sa ven sông Tiền, sông Hậu.  -HS nhận xét |
| **2.2.Hoạt động sản xuất**  **Hoạt động 2: Tìm hiểu về sản xuất công nghiệp ở vùng Nam Bộ**  **\*Mục tiêu:**  - Trình bày được một số đặc điểm sản xuất công nghiệp ở vùng Nam Bộ.  - Xác định được trên bản đồ hoặc lược đồ vùng Nam Bộ sự phân bố một số cây trồng và vật nuôi. | |
| **\* Cách tiến hành**  **-** Y/c HS quan sát lược đồ hình 2 tr.100 SGK  - Gọi HS đọc câu hỏi tr.100 SGK  - Gọi HS lên bảng đọc chú giải các ngành công nghiệp  - Y/c HS thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi  - Y/c đại diện nhóm lên bảng chỉ và nêu các ngành công nghiệp của đồng bằng Nam Bộ trên lược đồ và sự phân bố của chúng.  - Gọi các nhóm khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án đúng  - GV y/c HS đọc thông tin SGK tr.100, trả lời câu hỏi “Giải thích vì sao Nam Bộ trở thành vùng sản xuất công nghiệp lớn nhất nước ta”.    - GV mời các nhóm khác nhận xét, nêu ý kiến bổ sung.  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận:  Nhờ có nguồn nguyên liệu và lao động dồi dào, lại được đầu tư xây dựng nhiều nhà máy nên ĐB Nam Bộ đã trở thành vùng có ngành công nghiệp phát triển mạnh nhất nước ta với 1 số ngành nghề chính như: Khai thác dầu khí, sản xuất điện, điện tử, hóa chất, dệt may, chế biến nông sản,…  - GV y/c các nhóm gắn tranh ảnh đã sưu tầm về các ngành công nghiệp vào bảng nhóm, đại diện các nhóm lên giới thiệu.  - GV nhận xét, khen ngợi HS | - HS quan sát  - HS đọc  - 1 HS lên bảng đọc, cả lớp theo dõi.  • Một số ngành công nghiệp ở vùng Nam Bộ là: khai thác dầu mỏ; điện tử; hóa chất; chế biến nông sản; dệt may; thủy điện; nhiệt điện,…  - Vị trí phân bố:  + Các nhà máy thủy điện tập trung chủ yếu ở khu vực Đông Nam Bộ.  + Các nhà máy nhiệt điện tập trung chủ yếu ở: thành phố Hồ Chí Minh; thành phố Cần Thơ và tỉnh Cà Mau.  + Ngành khai thác dầu mỏ phân bố chủ yếu ở vùng thềm lục địa.  + Các ngành điện tử, hóa chất, dệt may tập trung chủ yếu ở các trung tâm công nghiệp như: Thành phố Hồ Chí Minh; Biên Hòa; Thủ Dầu Một.  + Ngành chế biến nông sản tập trung chủ yếu ở các trung tâm công nghiệp như: Thành phố Hồ Chí Minh; Biên Hòa; Thủ Dầu Một; Vũng Tàu; thành phố Cần Thơ và Cà Mau.  - HS nhận xét, bổ sung  - HS lắng nghe  - Đại diện nhóm trả lời câu hỏi  • Giải thích: Nam Bộ có nguồn nguyên liệu và lao động dồi dào, lại được đầu tư xây dựng nhiều nhà máy nên đã trở thành vùng sản xuất công nghiệp lớn nhất nước ta.  - HS nhận xét  - HS lắng nghe  - Các nhóm giới thiệu về các ngành công nghiệp mà nhóm sưu tầm được.  - HS lắng nghe |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu về sản xuất nông nghiệp ở vùng Nam Bộ.**  **\*Mục tiêu:**  - Trình bày được một số đặc điểm sản xuất nông nghiệp ở vùng Nam Bộ.  - Xác định được trên bản đồ hoặc lược đồ vùng Nam Bộ sự phân bố một số cây trồng, vật nuôi. | |
| - GV tổ chức cho HS cả lớp thảo luận nhóm:  + Chia lớp làm 6 nhóm (2 nhóm thực hiện cùng một nội dung)  + GV phân công nhiệm vụ cho từng nhóm:  · *Nhóm 1, 2: Tìm hiểu về đặc điểm sản xuất nông nghiệp và sự phân bố nông nghiệp, trả lời các câu hỏi:*  *Câu 1: Sản xuất nông nghiệp ở vùng Nam Bộ có những đặc điểm gì?*  *Câu 2: Quan sát hình 3 trg.101 SGK, em hãy kể tên một số cây trồng, vật nuôi ở vùng Nam Bộ và chỉ ra sự phân bố của chúng trên lược đồ.*  · *Nhóm 3, 4: Tìm hiểu về sản xuất lúa ở vùng Nam Bộ, thực hiện nhiệm vụ: Đọc thông tin và quan sát hình 3 tr.101 SGK, trả lời câu hỏi:*  *Câu 1: Nêu tên những tỉnh trồng nhiều lúa ở vùng Nam Bộ.*  *Câu 2: Giải thích vì sao vùng Nam Bộ trở thành vựa lúa lớn nhất cả nước.*  · *Nhóm 5, 6: Tìm hiểu về nuôi trồng thủy sản ở vùng Nam Bộ, thực hiện nhiệm vụ học tập: Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, 5 tr.101-102 SGK, trả lời câu hỏi:*  *Câu 1: Nêu tên những tỉnh nuôi trồng thủy sản ở vùng Nam Bộ.*  *Câu 2: Giải thích vì sao vùng Nam Bộ trở thành vùng nuôi trồng thủy sản lớn nhất cả nước.*  - GV gọi đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm, các nhóm cùng nội dung lắng nghe, nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận:  + Sản xuất nông nghiệp ở Nam Bộ rất phát triển, sản phẩm đa dạng, đứng đầu cả nước về sản xuất lúa, cây ăn quả, cao su, thủy sản.  + Các tỉnh trồng nhiều lúa là: Kiên Giang, Đồng Tháp, Long An, Tiền Giang, Sóc Trăng.  + Các tỉnh nuôi trồng thủy sản nhiều là: Kiên Giang, Cà Mau, An Giang. | -HS thảo luận.  -Dự kiến câu trả lời:  · *Nhóm 1, 2:*  *Câu 1: Sản xuất nông nghiệp vùng Nam Bộ rất đa dạng với nhiều sản phẩm trong và ngoài nước.*  *Câu 2:*  + Một số cây trồng chủ yếu ở vùng Nam Bộ là: cây lúa, cây ăn quả, cây cao su, cây điều và hồ tiêu…  + Một số vật nuôi chủ yếu ở vùng Nam Bộ là: trâu, bò, lợn, gà, vịt…  - Vị trí phân bố:  + Cây lúa và cây ăn quả phân bố chủ yếu ở khu vực Tây Nam Bộ.  + Cây điều, cao su và hồ tiêu phân bố chủ yếu ở khu vực Đông Nam Bộ.  + Trâu, bò, gà,… được nuôi nhiều ở vùng Đông Nam Bộ.  + Lợn, bò, vịt,… được nuôi nhiều ở vùng Tây Nam Bộ.  · *Nhóm 3, 4:*  Câu 1:  - Ở vùng Nam Bộ, cây lúa được trồng nhiều tại các tỉnh: Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang, An Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh, Kiên Giang, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau.  Câu 2:  Nhờ có diện tích đồng bằng lớn, đất đai màu mỡ, khí hậu nóng ẩm, áp dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật vào sản xuất,... nên vùng Nam Bộ đã trở thành vựa lúa lớn nhất cả nước với chất lượng gạo ngày càng tăng.  · *Nhóm 5, 6:*  Câu 1: Ở vùng Nam Bộ, thủy sản được nuôi trồng nhiều tại các tỉnh: Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau.  Câu 2: Giải thích:Do có vùng biển rộng, mạng lưới sông ngòi dày đặc, nhiều vùng đất ngập nước, người dân nhiều kinh nghiệm và năng động,... nên Nam Bộ là vùng nuôi trồng thuỷ sản lớn nhất cả nước.  - HS lắng nghe  - HS nhận xét, bổ sung  - HS lắng nghe |
| * 1. **.Một số nét văn hóa**   **Hoạt động 4: Tìm hiểu về nhà ở và phương tiện đi lại của người dân vùng nam Bộ.**  **\* Mục tiêu:**  - Mô tả được sự chung sống hài hòa với thiên nhiên của người dân vùng Nam Bộ thông qua nhà ở và phương tiện đi lại. | |
| - GV y/c HS cả lớp làm việc theo nhóm 4, hoàn thành nhiệm vụ học tập. Đọc thông tin quan sát hình 6 và kết hợp vốn hiểu biết của bản thân:  + Nhà của người dân ở Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ trước kia có gì khác nhau? Vì sao?  + Phương tiện đi lại phổ biến của người dân Nam Bộ hiện nay là gì?  - GV gọi đại diện 2 nhóm trình bày kết quả.  - GV gọi các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV cho HS xem tranh, ảnh về làng quê, phương tiện đi lại của người dân ở vùng Nam Bộ.  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận:  + Do điều kiện tự nhiên khác nhau nên nhà ở trước kia của người dân Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ khác nhau. Cụ thể: Đông Nam Bộ có nhà chắc chắn; Tây Nam Bộ có nhà đơn sơ, phương tiện đi lại chủ yếu là xuồng ghe. Ngày nay, nhà đã kiên cố, khang trang hơn, phương tiện đi lại đa dạng hơn. | - HS làm việc theo nhóm 4  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả.  - HS nhận xét  - HS theo dõi  - HS lắng nghe |
| **Hoạt động 5: Tìm hiểu về chợ nổi trên sông**  **\*Mục tiêu:**  - Mô tả được sự chung sống hài hòa với thiên nhiên của người dân Nam Bộ thông qua chợ nổi trên sông. | |
| **\* Cách tiến hành**  - Gọi HS kể tên chợ nổi mà mình đã từng đến, điều gì ở chợ ấn tượng nhất.  - GV cho HS xem video giới thiệu về chợ nổi, y/c HS chú ý về địa điểm họp chợ, phương tiện đi lại và hàng hóa ở chợ.  - Y/c HS lên bảng miêu tả lại về chợ nổi thông qua video và vốn hiểu biết của mình.  - GV y/c HS làm việc theo nhóm 4, mô tả về chợ nổi thông qua tranh, ảnh HS đã chuẩn bị ở nhà.  - GV gọi HS lên bảng mô tả về chợ nổi thông qua tranh, ảnh đã chuẩn bị trước.  - Y/c HS nhận xét  - GV nhận xét, khen ngợi, kết luận:  + Chợ nổi trên sông là nét văn hóa đặc thù ở Tây Nam Bộ.  + Nhiều thứ hàng hóa được mua, bán trên xuồng, ghe | - Chợ nổi Cái Răng, chợ nổi Long Xuyên – An Giang, chợ nổi Ngã Năm  - HS xem video  - HS lên bảng miêu tả, cả lớp lắng nghe  - HS kể với nhóm mình về chợ nổi mà mình đã tìm hiểu.  - HS lên mô tả, cả lớp lắng nghe  - HS nhận xét  - HS lắng nghe |
| **2.4. Truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Nam Bộ**  **Hoạt động 6: Tìm hiểu truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Nam Bộ.**  **\*Mục tiêu:**  - Nêu được truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Nam Bộ qua sử dụng tư liệu tranh ảnh, câu truyện lịch sử về một số nhân vật tiêu biểu | |
| **\* Cách tiến hành**  - GV y/c HS cả lớp làm việc theo nhóm 4, hoàn thành phiếu học tập:  +Nhóm 1: Đọc SGK và kể lại câu chuyện về nhân vật Trương Định.  +Nhóm 2: Đọc SGK và kể lại câu chuyện về nhân vật Nguyễn Trung Trực.  +Nhóm 3: Đọc SGK và kể lại câu chuyện về nhân vật Nguyễn Thị Định.  - GV gọi đại diện 2 nhóm trình bày kết quả.  - GV gọi các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, bổ sung, chuẩn xác nội dung. | -HS làm việc nhóm  - Đại diện nhóm trình bày, HS lắng nghe  - HS nhận xét  - HS lắng nghe |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH** | |
| **3. Luyện tập**  **\*Mục tiêu:**  - Củng cố kiến thức, kĩ năng đã học trong bài. | |
| - GV y/c HS cả lớp làm việc theo nhóm 6:  +Hoàn thành câu 1 tr.106 SGK  +Hoàn thành câu 2 tr.106 SGK  +Hoàn thành câu 3 tr.106 SGK  - GV gọi đại diện các nhóm trình bày kết quả.  - GV gọi các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, khen ngợi | - HS làm việc nhóm  - Đại diện nhóm trình bày  - HS nhận xét  - HS lắng nghe |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| **4. Vận dụng:**  **\*Mục tiêu:**  **-** Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn. | |
| - GV y/c HS thực hiện các nhiệm vụ tại nhà:  + Nhiệm vụ 1: Tổ 1,2 thực hiện nhiệm vụ 1.a  Tổ 3, 4 thực hiện nhiệm vụ 1.b  + Nhiệm vụ 2: Cả lớp  - Y/c HS trình bày trong nhóm của mình  - GV mời đại diện các nhóm trình bày trước lớp  - Y/c các nhóm khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, khen ngợi | - HS thực hiện tại nhà theo sự phân công    - HS trình bày trong nhóm  - HS trình bày trước lớp, cả lớp lắng nghe  - HS nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, bổ sung |
| **CỦNG CỐ, DẶN DÒ** | |
| **5. Củng cố**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **6. Dặn dò**  - GV nhắc nhở HS:  + Đọc lại bài học *Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa ở vùng Nam bộ.*  + Hoàn thành bài tập phần Vận dụng.   * + Đọc trước *Bài 20 – Thành phố Hồ Chí Minh* | - Cá nhân xem lại bài.  - 2-3 HS nêu lại nội dung chính của bài.  - Cá nhân nghe, quan sát.  - Cá nhân nghe, quan sát.  và thực hiện yêu cầu. |

**Thứ Sáu ngày 19 tháng 4 năm 2024**

**Góc sáng tạo: VẼ TIẾP SỨC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học này, học sinh sẽ:

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

***1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ***

- Phát triển kĩ năng nói với kĩ năng nhìn, quan sát

- Hiểu và thực hiện được một công việc theo hướng dẫn viết được hướng dẫn thực hiện một công việc, một hoạt động quen thuộc.

***1.2. Phát triển năng lực văn học***

- Biết lựa chọn và sắp xếp các từ ngữ phù hợp

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung**

- Năng lực tự chủ, tự học: chủ động suy nghĩ để đưa ra ý tưởng của bản thân

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: có khả năng sáng tạo trong việc xây dựng kế hoạch nhỏ của chi đội.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết thảo luận cùng các bạn.

**3. Góp phần phát triển các phẩm chất**

- Nhân ái: Có lòng nhân hậu và biết chia sẻ với cộng đồng

- Trách nhiệm: Có ý thức vì cộng đồng

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

– GV chuẩn bị: Bài giảng powerpoint, video bài hát đội em làm kế hoạch nhỏ, hình ảnh thực hiện phong trào kế hoạch nhỏ của trường,...

– HS chuẩn bị: SGK, bút, màu, keo dán, kéo, ....

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV cho HS hát và múa bài : Đội em làm kế hoạch nhỏ  - GV giới thiệu bài mới: Tuần vừa qua, trong chủ điểm khám phá thế giới chúng ta đã được học về kiểu văn bản hướng dẫn thực hiện một công việc một hoạt động hay sử dụng một sản phẩm. Kiểu văn bản này rất phổ biến trong đời sống hằng ngày. Trong tiết rất sáng tạo hôm nay các em sẽ ôn luyện về cách thực hiện một văn bản hướng dẫn và cách thực hiện một văn bản như vậy. | - HS hát và múa  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập, thực hành** | |
| **Hoạt động 1: Hướng dẫn hoạt động và làm theo hướng dẫn**  **Bài 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu bài, cả lớp đọc thầm.  - Học sinh thảo luận nhóm bốn theo gợi ý của bài tập một trong sách giáo khoa. Sau đó đại diện các nhóm trình bày cách hiểu của các em đối với việc thực hiện trò chơi.  - Tổ chức cho học sinh chơi trò chơi vẽ tiếp sức giáo viên chuẩn bị sẵn phấn, viết bảng, giá vẽ giấy Ả, bút lông, khăn bịt mắt.  Giáo viên nhận xét động viên tinh thần học tinh thần chơi của các bạn  **Hoạt động 2: Viết hướng dẫn hoạt động**  **BT2:**  - Gọi HS đọc yêu cầu bài, cả lớp đọc thầm.  - Sau đây các em sẽ tập viết một văn bản hướng dẫn thực hiện một trò chơi quen thuộc mà mình thích. Các em hãy viết bản hướng dẫn sao cho người đọc có thể dễ hiểu và thực hiện được trò chơi nha học sinh làm việc cá nhân.  - GV lưu ý HS có thể dán ảnh tranh vẽ mình minh họa cho trò chơi mà học sinh hướng dẫn  - GV tạo không khí yên tĩnh cho HS làm việc và theo dõi, giúp đỡ HS thực hiện đúng yêu cầu BT  **Hoạt động 3: Giới thiệu, bình chọn cho sản phẩm**  **BT3:**  - GV mời HS giới thiệu sản phẩm của mình  - GV gọi HS nhận xét, bình chọn theo hai tiêu chí:  - GV nhận xét, tuyên dương | - 1 HS đọc  - HS thảo luận  Các nhóm khác gópý để nắm chắc cách chơi. Cho một số bạn đóng vai quản trò, và tập tuyên bố luật chơi  -Các đội tham gia chơi thực hiện theo hướng dẫn trò chơi được quản trò công bố.  - Học sinh bình chọn đội thắng cuộc  - HS đọc đề bài  - HS làm việc cá nhân viết văn vào vở  - HS nhận xét, bình chọn  - HS lắng nghe |
| **3. Vận dụng** | |
| **-** GV yêu cầu HS giới thiệu sản phẩm của mình với những bạn bè và người thân.  - Nhận xét tiết học, dặn dò bài về nhà. | - HS lắng nghe, thực hiện  .  - HS lắng nghe |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy**  ............................................................................................................................................ ............................................................................................................................................ | |

**BÀI 89: DÃY SỐ LIỆU THỐNG KÊ (Tiết 1+ 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực dặc thù:**

- Nhận biết về dãy số liệu thống kê, thứ tự các số liệu trong dãy.

- Biết cách đọc, mô tả dãy số liệu thống kê ở mức độ đơn giản.

- Thực hành lập dãy số liệu thống kê.

- Bước đầu biết sắp xếp, phân tích, xử lí số liệu trong dãy số liệu thống kê ở mức độ đơn giản.

**2. *Năng lực chung:***

Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất**

- Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**\*. Giáo viên**

-Kế hoach bài dạy, máy tính, máy chiếu, bảng phụ, phiếu học tập, hình ảnh minh hoạ phóng to.

**\*Học sinh**

Vở ghi, phiếu bài tập, dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV (bút, thước, tẩy, bảng con..)

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1. Khởi động**  - GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm (bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động:  + Quan sát tranh khởi động (trong SGK hoặc trên máy chiếu). Nói với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh.  - GV yêu cầu HS ghi chép số điểm của từng đội.  - GV yêu cầu HS liệt kê số điểm của hai đội.  - GV dẫn dắt HS vào bài học.  **2. Khám phá**  **Ví dụ 1:**  - GV yêu cầu HS đọc ví dụ 1.  - GV mời 1 HS đọc lại dãy số liệu.  - GV hỏi:  + Dãy số liệu thống kê cho con biết thông tin gì?  + Dãy số liệu trên có mấy số?  + Chúng ta thấy rằng: Trận thứ nhất đội của bạn Khôi ghi được 12 điểm. Vậy trận thứ hai đội của bạn ghi được bao nhiêu điểm?  + Trận thứ ba, bốn, năm đội bạn lần lượt ghi được bao nhiêu điểm?  + Quan sát dãy số liệu thống kê, trận nào đội bạn Khôi ghi được nhiều điểm nhất? Trận nào ghi được ít điểm nhất?   * **GV chốt: *Đó là những thông tin cô trò mình thu được từ dãy số trên. Các số liệu đó cho ta một dãy số liệu thống kê.***   **Ví dụ 2:**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.  - GV yêu cầu 1 HS đọc dãy số trong bài.  - GV lưu ý: Đây là ghi chép số đo chiều cao của 10 HS, theo thứ tự đo của từng em (em nào đo trước thì ghi số đo trước), ta có dãy số đo chiều cao như trên.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 trong thời gian 2 phút.  + Dãy số ở ví dụ 2 cho biết những thông tin gì?  + Quan sát dãy số của ví dụ 1 và ví dụ 2: Dãy số ở ví dụ 2 có điểm gì đặc biệt hơn so với dãy số ở ví dụ 1.  - GV mời đại diện 1 nhóm hỏi – 1 nhóm trả lời.  - GV nhận xét, hỏi: Các số liệu thống kê như trên cũng cho ta biết điều gì?  **- GV chốt: Các số liệu thống kê như trên, được xếp theo một thứ tự nhất định cho ta một dãy số liệu thống kê.**  **3. Luyện tập**  **Bài 1: (cá nhân)**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 1.  - GV yêu cầu HS viết dãy số liệu thống kê về số lượng đã bán của lần lượt mỗi loại thú nhồi bông theo thứ tự vào bảng con.  - GV quan sát  - GV mời HS đọc dãy số liệu.  - GV mời HS nhận xét.  - Quan sát dãy số liệu, ta thu được thông tin gì?  - GV nhận xét, khen ngợi.  **Bài 2: (Thảo luận nhóm)**  - GV gọi 1 HS đọc yêu cầu.  **-** GV yêu cầu HS thực hành làm bài vào phiếu trong nhóm thời gian 4 phút theo các câu hỏi sau:  a) Liệt kê số liệu sách bán lần lượt theo thứ tự 4 tháng.  b) - Sắp xếp số lượng sách đã bán trong các tháng theo thứ tự từ nhỏ đến lớn.  - Cửa hàng bán được nhiều sách nhất vào tháng nào? Cửa hàng bán được ít sách nhất vào tháng nào?  c) Viết các tháng trên theo thứ tự số sách bán được ít nhất đến nhiều nhất?  - GV mời đại diện các nhóm trình bày.  - Các nhóm còn lại nhận xét.  - GV nhận xét, khen ngợi.  3.  **4. Củng cố**  - GV mời 1 HS hỏi và cùng chia sẻ:  + Bài học hôm nay các con học được những gì?   * GV dặn dò HS chuẩn bị bài: Dãy số liệu thống kê (tiết 2) | * HS thảo luận nhóm (bàn) và thực hiện yêu cầu. * HS quan sát và trả lời: Có hai đội bóng rổ đang thi đấu * HS ghi chép: Đội áo xanh đang có 15 điểm, đội áo vào có 14 điểm. * HS thực hiện có dãy hai số tự nhiên: 15; 14.   - HS chú ý lắng nghe.   * HS đọc, cả lớp lắng nghe * HS đọc: 12; 16; 19; 7; 20. * HS trả lời:   + Dãy số liệu cho ta biết: số thứ nhất là 12, số thứ hai là 16, số thứ ba là 19, ….  + Dãy số liệu trên có 5 số.  + Trận thứ hai đội của bạn Khôi ghi được 16 điểm.  + Trận thứ ba: 19 điểm; trận thứ tư: 7 điểm; trận thứ năm: 20 điểm.   * HS trả lời: Trận thứ năm ghi được nhiều điểm nhất, trận thứ tư ghi được ít điểm nhất. * HS nhắc lại. * HS đọc yêu cầu. * HS đọc: 132 cm; 129 cm; 130 cm; 122 cm,…. * HS thảo luận nhóm 4. * HS thực hiện:   + Dãy số liệu trên gồm có 10 số.  + Số đo thứ nhất là 132 cm, số đo thứ hai 129 cm,….. tương ứng bạn thứ nhất cao 132 cm, bạn thứ hai cao 129 cm,….  + Dãy số ở ví dụ 2 khác ví dụ 1 là dãy số đo   * HS nêu: Các số liệu thống kê như trên cũng cho ta một dãy số liệu thống kê. * 1- 2 HS nhắc lại. * HS đọc yêu cầu bài 1. * HS làm việc cá nhân. * HS giơ bảng. * HS đọc: 10 con, 11 con, 5 con, 15 con. * HS nhận xét. * HS trả lời: Quan sát dãy số liệu trên, ta thu được số lượng chó bông: 10 con, thỏ bông: 11 con,…. * HS đọc yêu cầu. * HS thực hành thảo luận và hoàn thành phiếu. * HS trình bày và nhận xét. * HS chia sẻ: * HS1: Bài học hôm nay chúng ta đã nhận biết dãy số liệu thống kê, thực hành lập dãy số liệu thống kê.   HS2: Thực hành sắp xếp, phân tích xử lí số liệu trong dãy số liệu thống kê. |

**Bài 19: DÂN CƯ, HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ MỘT SỐ NÉT VĂN HÓA Ở VÙNG NAM BỘ**

**(Tiết 4)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

* 1. **Năng lực đặc thù**

- Kể được tên một số dân tộc ở vùng Nam Bộ

- Xác định được trên bản đồ và lược đồ vùng Nam Bộ sự phân bố một số ngành công nghiệp, cây trồng, vật nuôi.

- Trình bày được một số hoạt động sản xuất của người dân ở vùng Nam Bộ.

- Mô tả được sự chung sống hài hòa với thiên nhiên của người dân thông qua một số nét văn hóa tiêu biểu.

- Nêu được truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Nam Bộ, có sử dụng một số tư liệu tranh ảnh, câu chuyện lịch sử về một số nhân vật tiêu biểu của Nam Bộ.

* 1. **Năng lực chung**
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Làm việc nhóm, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.
  1. **Phẩm chất**
* Trách nhiệm: Có ý thức trân trọng, tiết kiệm các sản phẩm của tự nhiên và do con người tạo ra.
* Chăm chỉ: Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập và luôn tự giác tìm hiểu, khám phá tri thức liên quan đến nội dung bài học.
* Yêu nước: Thể hiện được niềm tự hào về truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Nam Bộ.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bản đồ hoặc lược đồ phân bố một số ngành công nghiệp, cây trồng, vật nuôi vùng Nam Bộ.

- Tranh ảnh về công nghiệp, nông nghiệp, chợ nổi trên song ở vùng Nam Bộ.

- Tranh ảnh, tư liệu, video clip về các nhân vật lịch sử Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Thị Định.

- Máy tính, máy chiếu.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** | |
| **1. Khởi động:**  **\*Mục tiêu:**  - Kết nối được kiến thức đã biết với kiến thức trong bài mới.  - Tạo hứng thú cho HS tiếp nhận bài học mới. | |
| **\* Cách tiến hành**  **- “**Nam Bộ là nơi có nền văn hóa mang đậm dấu ấn của vùng sông nước. Đây là vựa lúa, vựa trái cây và thủy sản lớn nhất cả nước. Người dân nơi đây giàu truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng”.  **-**Y/c HS kể tên một số sản phẩm nông nghiệp có nhiều ở vùng Nam Bộ  - GV: “Tại sao nơi đây lại nổi tiếng về các sản phẩm này? Chúng ta cùng đến với bài học ngày hôm nay”. – Bài 19: Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa ở vùng Nam Bộ. | - HS chú ý lắng nghe quan sát.  - Lúa, cây ăn quả,… |

|  |  |
| --- | --- |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** | |
| **2.1.Dân cư**  **\* Hoạt động 1: Tìm hiểu về dân cư ở vùng Nam Bộ**  **\*Mục tiêu:**  - Kể được tên một số dân tộc ở vùng Nam Bộ. | |
| * **Cách tiến hành:**   - GV y/c HS cả lớp làm việc theo cặp, đọc SGK tr.99 và trả lời câu hỏi:  + Kể tên một số dân tộc sinh sống ở vùng Nam Bộ.  + Nêu đặc điểm phân bố dân cư của vùng Nam Bộ.  - GV mời đại diện một số nhóm trình bày kết quả thảo luận  - GV mời các nhóm khác nhận xét, nêu ý kiến bổ sung.  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận:  + Một số dân tộc sinh sống ở vùng Nam Bộ là: Kinh, Khơ-me, Chăm, Hoa,…  + Đặc điểm phân bố dân cư  Vùng Nam Bộ có số dân nhiều nhất so với các vùng khác của nước ta.  Trong vùng, dân cư phân bố không đều, tập trung ở các đô thị và dải đất phù sa ven sông Tiền, sông Hậu. | -HS làm việc nhóm  -Đại diện 3-4 nhóm trình bày, HS cả lớp lắng nghe.  + Một số dân tộc sinh sống ở vùng Nam Bộ là: Kinh, Khơ-me, Chăm, Hoa,…  + Đặc điểm phân bố dân cư  Vùng Nam Bộ có số dân nhiều nhất so với các vùng khác của nước ta.  Trong vùng, dân cư phân bố không đều, tập trung ở các đô thị và dải đất phù sa ven sông Tiền, sông Hậu.  -HS nhận xét |
| **2.2.Hoạt động sản xuất**  **Hoạt động 2: Tìm hiểu về sản xuất công nghiệp ở vùng Nam Bộ**  **\*Mục tiêu:**  - Trình bày được một số đặc điểm sản xuất công nghiệp ở vùng Nam Bộ.  - Xác định được trên bản đồ hoặc lược đồ vùng Nam Bộ sự phân bố một số cây trồng và vật nuôi. | |
| **\* Cách tiến hành**  **-** Y/c HS quan sát lược đồ hình 2 tr.100 SGK  - Gọi HS đọc câu hỏi tr.100 SGK  - Gọi HS lên bảng đọc chú giải các ngành công nghiệp  - Y/c HS thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi  - Y/c đại diện nhóm lên bảng chỉ và nêu các ngành công nghiệp của đồng bằng Nam Bộ trên lược đồ và sự phân bố của chúng.  - Gọi các nhóm khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án đúng  - GV y/c HS đọc thông tin SGK tr.100, trả lời câu hỏi “Giải thích vì sao Nam Bộ trở thành vùng sản xuất công nghiệp lớn nhất nước ta”.    - GV mời các nhóm khác nhận xét, nêu ý kiến bổ sung.  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận:  Nhờ có nguồn nguyên liệu và lao động dồi dào, lại được đầu tư xây dựng nhiều nhà máy nên ĐB Nam Bộ đã trở thành vùng có ngành công nghiệp phát triển mạnh nhất nước ta với 1 số ngành nghề chính như: Khai thác dầu khí, sản xuất điện, điện tử, hóa chất, dệt may, chế biến nông sản,…  - GV y/c các nhóm gắn tranh ảnh đã sưu tầm về các ngành công nghiệp vào bảng nhóm, đại diện các nhóm lên giới thiệu.  - GV nhận xét, khen ngợi HS | - HS quan sát  - HS đọc  - 1 HS lên bảng đọc, cả lớp theo dõi.  • Một số ngành công nghiệp ở vùng Nam Bộ là: khai thác dầu mỏ; điện tử; hóa chất; chế biến nông sản; dệt may; thủy điện; nhiệt điện,…  - Vị trí phân bố:  + Các nhà máy thủy điện tập trung chủ yếu ở khu vực Đông Nam Bộ.  + Các nhà máy nhiệt điện tập trung chủ yếu ở: thành phố Hồ Chí Minh; thành phố Cần Thơ và tỉnh Cà Mau.  + Ngành khai thác dầu mỏ phân bố chủ yếu ở vùng thềm lục địa.  + Các ngành điện tử, hóa chất, dệt may tập trung chủ yếu ở các trung tâm công nghiệp như: Thành phố Hồ Chí Minh; Biên Hòa; Thủ Dầu Một.  + Ngành chế biến nông sản tập trung chủ yếu ở các trung tâm công nghiệp như: Thành phố Hồ Chí Minh; Biên Hòa; Thủ Dầu Một; Vũng Tàu; thành phố Cần Thơ và Cà Mau.  - HS nhận xét, bổ sung  - HS lắng nghe  - Đại diện nhóm trả lời câu hỏi  • Giải thích: Nam Bộ có nguồn nguyên liệu và lao động dồi dào, lại được đầu tư xây dựng nhiều nhà máy nên đã trở thành vùng sản xuất công nghiệp lớn nhất nước ta.  - HS nhận xét  - HS lắng nghe  - Các nhóm giới thiệu về các ngành công nghiệp mà nhóm sưu tầm được.  - HS lắng nghe |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu về sản xuất nông nghiệp ở vùng Nam Bộ.**  **\*Mục tiêu:**  - Trình bày được một số đặc điểm sản xuất nông nghiệp ở vùng Nam Bộ.  - Xác định được trên bản đồ hoặc lược đồ vùng Nam Bộ sự phân bố một số cây trồng, vật nuôi. | |
| - GV tổ chức cho HS cả lớp thảo luận nhóm:  + Chia lớp làm 6 nhóm (2 nhóm thực hiện cùng một nội dung)  + GV phân công nhiệm vụ cho từng nhóm:  · *Nhóm 1, 2: Tìm hiểu về đặc điểm sản xuất nông nghiệp và sự phân bố nông nghiệp, trả lời các câu hỏi:*  *Câu 1: Sản xuất nông nghiệp ở vùng Nam Bộ có những đặc điểm gì?*  *Câu 2: Quan sát hình 3 trg.101 SGK, em hãy kể tên một số cây trồng, vật nuôi ở vùng Nam Bộ và chỉ ra sự phân bố của chúng trên lược đồ.*  · *Nhóm 3, 4: Tìm hiểu về sản xuất lúa ở vùng Nam Bộ, thực hiện nhiệm vụ: Đọc thông tin và quan sát hình 3 tr.101 SGK, trả lời câu hỏi:*  *Câu 1: Nêu tên những tỉnh trồng nhiều lúa ở vùng Nam Bộ.*  *Câu 2: Giải thích vì sao vùng Nam Bộ trở thành vựa lúa lớn nhất cả nước.*  · *Nhóm 5, 6: Tìm hiểu về nuôi trồng thủy sản ở vùng Nam Bộ, thực hiện nhiệm vụ học tập: Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, 5 tr.101-102 SGK, trả lời câu hỏi:*  *Câu 1: Nêu tên những tỉnh nuôi trồng thủy sản ở vùng Nam Bộ.*  *Câu 2: Giải thích vì sao vùng Nam Bộ trở thành vùng nuôi trồng thủy sản lớn nhất cả nước.*  - GV gọi đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm, các nhóm cùng nội dung lắng nghe, nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận:  + Sản xuất nông nghiệp ở Nam Bộ rất phát triển, sản phẩm đa dạng, đứng đầu cả nước về sản xuất lúa, cây ăn quả, cao su, thủy sản.  + Các tỉnh trồng nhiều lúa là: Kiên Giang, Đồng Tháp, Long An, Tiền Giang, Sóc Trăng.  + Các tỉnh nuôi trồng thủy sản nhiều là: Kiên Giang, Cà Mau, An Giang. | -HS thảo luận.  -Dự kiến câu trả lời:  · *Nhóm 1, 2:*  *Câu 1: Sản xuất nông nghiệp vùng Nam Bộ rất đa dạng với nhiều sản phẩm trong và ngoài nước.*  *Câu 2:*  + Một số cây trồng chủ yếu ở vùng Nam Bộ là: cây lúa, cây ăn quả, cây cao su, cây điều và hồ tiêu…  + Một số vật nuôi chủ yếu ở vùng Nam Bộ là: trâu, bò, lợn, gà, vịt…  - Vị trí phân bố:  + Cây lúa và cây ăn quả phân bố chủ yếu ở khu vực Tây Nam Bộ.  + Cây điều, cao su và hồ tiêu phân bố chủ yếu ở khu vực Đông Nam Bộ.  + Trâu, bò, gà,… được nuôi nhiều ở vùng Đông Nam Bộ.  + Lợn, bò, vịt,… được nuôi nhiều ở vùng Tây Nam Bộ.  · *Nhóm 3, 4:*  Câu 1:  - Ở vùng Nam Bộ, cây lúa được trồng nhiều tại các tỉnh: Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang, An Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh, Kiên Giang, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau.  Câu 2:  Nhờ có diện tích đồng bằng lớn, đất đai màu mỡ, khí hậu nóng ẩm, áp dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật vào sản xuất,... nên vùng Nam Bộ đã trở thành vựa lúa lớn nhất cả nước với chất lượng gạo ngày càng tăng.  · *Nhóm 5, 6:*  Câu 1: Ở vùng Nam Bộ, thủy sản được nuôi trồng nhiều tại các tỉnh: Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau.  Câu 2: Giải thích:Do có vùng biển rộng, mạng lưới sông ngòi dày đặc, nhiều vùng đất ngập nước, người dân nhiều kinh nghiệm và năng động,... nên Nam Bộ là vùng nuôi trồng thuỷ sản lớn nhất cả nước.  - HS lắng nghe  - HS nhận xét, bổ sung  - HS lắng nghe |
| * 1. **.Một số nét văn hóa**   **Hoạt động 4: Tìm hiểu về nhà ở và phương tiện đi lại của người dân vùng nam Bộ.**  **\* Mục tiêu:**  - Mô tả được sự chung sống hài hòa với thiên nhiên của người dân vùng Nam Bộ thông qua nhà ở và phương tiện đi lại. | |
| - GV y/c HS cả lớp làm việc theo nhóm 4, hoàn thành nhiệm vụ học tập. Đọc thông tin quan sát hình 6 và kết hợp vốn hiểu biết của bản thân:  + Nhà của người dân ở Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ trước kia có gì khác nhau? Vì sao?  + Phương tiện đi lại phổ biến của người dân Nam Bộ hiện nay là gì?  - GV gọi đại diện 2 nhóm trình bày kết quả.  - GV gọi các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV cho HS xem tranh, ảnh về làng quê, phương tiện đi lại của người dân ở vùng Nam Bộ.  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận:  + Do điều kiện tự nhiên khác nhau nên nhà ở trước kia của người dân Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ khác nhau. Cụ thể: Đông Nam Bộ có nhà chắc chắn; Tây Nam Bộ có nhà đơn sơ, phương tiện đi lại chủ yếu là xuồng ghe. Ngày nay, nhà đã kiên cố, khang trang hơn, phương tiện đi lại đa dạng hơn. | - HS làm việc theo nhóm 4  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả.  - HS nhận xét  - HS theo dõi  - HS lắng nghe |
| **Hoạt động 5: Tìm hiểu về chợ nổi trên sông**  **\*Mục tiêu:**  - Mô tả được sự chung sống hài hòa với thiên nhiên của người dân Nam Bộ thông qua chợ nổi trên sông. | |
| **\* Cách tiến hành**  - Gọi HS kể tên chợ nổi mà mình đã từng đến, điều gì ở chợ ấn tượng nhất.  - GV cho HS xem video giới thiệu về chợ nổi, y/c HS chú ý về địa điểm họp chợ, phương tiện đi lại và hàng hóa ở chợ.  - Y/c HS lên bảng miêu tả lại về chợ nổi thông qua video và vốn hiểu biết của mình.  - GV y/c HS làm việc theo nhóm 4, mô tả về chợ nổi thông qua tranh, ảnh HS đã chuẩn bị ở nhà.  - GV gọi HS lên bảng mô tả về chợ nổi thông qua tranh, ảnh đã chuẩn bị trước.  - Y/c HS nhận xét  - GV nhận xét, khen ngợi, kết luận:  + Chợ nổi trên sông là nét văn hóa đặc thù ở Tây Nam Bộ.  + Nhiều thứ hàng hóa được mua, bán trên xuồng, ghe | - Chợ nổi Cái Răng, chợ nổi Long Xuyên – An Giang, chợ nổi Ngã Năm  - HS xem video  - HS lên bảng miêu tả, cả lớp lắng nghe  - HS kể với nhóm mình về chợ nổi mà mình đã tìm hiểu.  - HS lên mô tả, cả lớp lắng nghe  - HS nhận xét  - HS lắng nghe |
| **2.4. Truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Nam Bộ**  **Hoạt động 6: Tìm hiểu truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Nam Bộ.**  **\*Mục tiêu:**  - Nêu được truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Nam Bộ qua sử dụng tư liệu tranh ảnh, câu truyện lịch sử về một số nhân vật tiêu biểu | |
| **\* Cách tiến hành**  - GV y/c HS cả lớp làm việc theo nhóm 4, hoàn thành phiếu học tập:  +Nhóm 1: Đọc SGK và kể lại câu chuyện về nhân vật Trương Định.  +Nhóm 2: Đọc SGK và kể lại câu chuyện về nhân vật Nguyễn Trung Trực.  +Nhóm 3: Đọc SGK và kể lại câu chuyện về nhân vật Nguyễn Thị Định.  - GV gọi đại diện 2 nhóm trình bày kết quả.  - GV gọi các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, bổ sung, chuẩn xác nội dung. | -HS làm việc nhóm  - Đại diện nhóm trình bày, HS lắng nghe  - HS nhận xét  - HS lắng nghe |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH** | |
| **3. Luyện tập**  **\*Mục tiêu:**  - Củng cố kiến thức, kĩ năng đã học trong bài. | |
| - GV y/c HS cả lớp làm việc theo nhóm 6:  +Hoàn thành câu 1 tr.106 SGK  +Hoàn thành câu 2 tr.106 SGK  +Hoàn thành câu 3 tr.106 SGK  - GV gọi đại diện các nhóm trình bày kết quả.  - GV gọi các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, khen ngợi | - HS làm việc nhóm  - Đại diện nhóm trình bày  - HS nhận xét  - HS lắng nghe |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| **4. Vận dụng:**  **\*Mục tiêu:**  **-** Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn. | |
| - GV y/c HS thực hiện các nhiệm vụ tại nhà:  + Nhiệm vụ 1: Tổ 1,2 thực hiện nhiệm vụ 1.a  Tổ 3, 4 thực hiện nhiệm vụ 1.b  + Nhiệm vụ 2: Cả lớp  - Y/c HS trình bày trong nhóm của mình  - GV mời đại diện các nhóm trình bày trước lớp  - Y/c các nhóm khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, khen ngợi | - HS thực hiện tại nhà theo sự phân công    - HS trình bày trong nhóm  - HS trình bày trước lớp, cả lớp lắng nghe  - HS nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, bổ sung |
| **CỦNG CỐ, DẶN DÒ** | |
| **5. Củng cố**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **6. Dặn dò**  - GV nhắc nhở HS:  + Đọc lại bài học *Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa ở vùng Nam bộ.*  + Hoàn thành bài tập phần Vận dụng.   * + Đọc trước *Bài 20 – Thành phố Hồ Chí Minh* | - Cá nhân xem lại bài.  - 2-3 HS nêu lại nội dung chính của bài.  - Cá nhân nghe, quan sát.  - Cá nhân nghe, quan sát.  và thực hiện yêu cầu. |

**CHỦ ĐỀ 8: QUAN HỆ BẠN BÈ**

**SINH HOẠT LỚP: THỰC HÀNH ỨNG XỬ TRONG QUAN HỆ BẠN BÈ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- HS xây dựng được kế hoạch “ Đồng hành cùng bạn” để giúp đỡ các bạn trong lớp gặp khó khăn trong học tập và cuộc sống.

- Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Có khả năng tự xây dựng được kế hoạch “ Đồng hành cùng bạn” để giúp đỡ các bạn trong lớp gặp khó khăn trong học tập và cuộc sống.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Xây dựng được kế hoạch khoa học đảm bảo cho việc thực hiện kế hoạch đó thuận lợi.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết hợp tác với bạn trong làm việc nhóm để xây dựng được kế hoạch đồng hành cùng bạn hợp lí, phù hợp với lứa tuổi củac ác em.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Tôn trọng, yêu quý và lắng nghe bạn trong làm việc nhóm.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ đẻ hoàn thành kế hoạch.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức với lớp, tôn trọng nề nếp, nội quy lớp học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Xây dựng kĩ năng quan sát, thực hành để nhận ra khả năng của bản thân  - Cách tiến hành: | |
| - GV mời học sinh hát, múa theo bài hát “Tình bạn tuổi thơ” của nhạc sĩ Kiều Hồng Phượng.  - GV trao đổi với HS về nội dung bài hát  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới. | - Cả lớp hát, múa theo bài hát.  - HS chia sẻ cùng với thầy cô và các bạn.  - HS lắng nghe. |
| **2. Sinh hoạt cuối tuần***:*  **-** Mục tiêu: Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới.  **-** Cách tiến hành: | |
| **\* Hoạt động 1: Đánh giá kết quả cuối tuần. (Làm việc theo tổ)**  **-** GV mời lớp trưởng điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần.  - Lớp trưởng lên điều hành nội dung sinh hoạt: Mời các tổ thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần:  + Sinh hoạt nền nếp.  + Thi đua của đội cờ đỏ tổ chức.  + Kết quả hoạt động các phong trào.  + Một số nội dung phát sinh trong tuần...  - Lớp trưởng mời Tổ trưởng các tổ báo cáo.  - Lớp trưởng tổng hợp kết quả và mời giáo viên chủ nhiệm nhận xét chung.  - GV nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tuỳ vào kết quả trong tuần)  **\* Hoạt động 2: Kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4 hoặc theo tổ)**  **-** GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. Yêu cầu các nhóm (tổ) thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch.  + Thực hiện nền nếp trong tuần.  + Thi đua học tập tốt theo chấm điểm của đội cờ đỏ.  + Thực hiện các hoạt động các phong trào.  - Lớp trưởng báo cáo kết quả thảo luận kế hoạch và mời GV nhận xét, góp ý.  - GV nhận xét chung, thống nhất, và biểu quyết hành động. | - Lớp trưởng lên điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần.  - Mời các nhóm thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần.  - Các tổ trưởng lần lượt báo cáo kết quả hoạt động cuối tuần.  - Lắng nghe rút kinh nghiệm.  - 1 HS nêu lại nội dung.  - Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạt động tuần tới.  - HS thảo luận nhóm 4 hoặc tổ: Xem xét các nội dung trong tuần tới, bổ sung nếu cần.  - Một số nhóm nhận xét, bổ sung.  - Cả lớp biểu quyết hành động bằng giơ tay. |
| **3. Sinh hoạt chủ đề.**  **-** Mục tiêu:  + Học sinh giới thiệu được những việc làm đáng tự hào của mình.  + Học sinh cam kết trao đổi với người thân về những việc cần làm để phát huy nuhnưgx đặc điểm đáng tự hào của bản thân.  **-** Cách tiến hành: | |
| Hoạt động 3: THỰC HÀNH ỨNG XỬ TRONG QUAN HỆ BẠN BÈ.  3.1.Thảo luận về cách xử lí vấn đề trong quan hệ bạn bè ở mỗi tình huống sau:  Tình huống 1: Hà, Trâm và Tú là bạn thân. Những ngày gần đây, Hà thấy Trâm và Tú ít thân thiết với mình và hay nói chuyện thầm với nhau. Hà nghĩ Trâm và Tú có điều bí mật không muốn nói với Hà.  Nếu là Hà, em sẽ làm gì?  Tình huống 2: Duy là một bạn khuyết tật mới chuyển đến lớp. Duy khá rụt rè và nhút nhát. Một số bạn bè trong lớp thường xuyên trêu chọc và chế giễu Duy.  Nếu là bạn cùng lớp với Duy, em sẽ làm gì?    **3.2.Đóng vai thực hành ứng xử với bạn.** | - HS lắng nghe.  - HS thảo luận nhóm 2 thực hiện yêu cầu của thầy cô.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận.  - HS nhận xét bạn  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe và ghi nhớ, thực hiện. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | |
| - GV nhắc lại cho HS khắc sâu kế hoạch để giúp đỡ các bạn trong lớp gặp khó khăn trong học tập và trong cuộc sống và hướng dẫn HS trong lớp cùng thực hiện.  - Chia sẻ với bạn ý tưởng để vẽ một bức tranh với nội dung về Tình bạn.  ! Vẽ một bức tranh về chủ để Tình bạn để tham gia triển lãm tranh của trường theo ý tưởng của em.  ! Trưng bày tranh và thuyết trình nhanh về bức tranh của mình  - GV nhận xét, tuyên dương HS  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò học sinh. | - HS lắng nghe, ghi nhớ và cùng thực hiện để giúp đỡ các bạn trong lớp.  - HS chia sẻ với bạn  - HS vẽ tranh    - Trưng bày tranh và thuyết trình nhanh.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm |
| **5. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | |